**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 1. ÔN TẬP CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ ĐÃ HỌC**

**A. Mục tiêu:** *Sau khi học xong bài này, học sinh có thể đạt được:*

***1. Kiến thức****:*

- Nêu được khái niệm các biện pháp tu từ đã học

- Lấy được ví dụ về các biện pháp tu từ đã học

- Làm các bài tập cụ thể

***2. Kỹ năng:***

- Làm thành thạo các bài tập liên quan đến các biện pháp tư từ đã học

***3. Thái độ:***

- Hứng thú trong giờ học, tập trung lắng nghe

- Có ý thức áp dụng kiến thức đã học vào làm các bài tập

***4. Năng lực:***

***-*** Giải quyết vấn đề, tư duy logic, sử dụng ngôn ngữ...

**B. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Soạn bài và đọc tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc và chuẩn bị bài ở nhà; tham khảo tài liệu có liên quan đến bài học.

**C. Tổ chức hoạt động dạy học:**

- Ổn định lớp

- Tổ chức dạy học bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| ? Nêu các phép tu từ từ vựng đã học?  - HS làm theo yêu cầu của GV.  ***? Thế nào là so sánh? Lấy VD minh họa?***  ***?Nêu cấu tạo của phép so sánh?***  **Có mấy kiểu so sánh? Cho ví dụ minh họa?**  ***Nêu tác dụng của phép so sánh? Cho ví dụ, phân tích?***  ***?Thế nào là nhân hoá ?***  ***Cho vd minh họa?***  ***Có mấy kiểu nhân hóa?***  ***VD?***  ***Nêu các tác dụng của phép nhân hóa? Lấy vd, phân tích?***  ***?Thế nào là ẩn dụ?VD?***  Lưu ý: Muốn có phép ẩn dụ thì giữa hai sự vật hiện tượng được so sánh ngầm phải có nét tương đồng quen thuộc nếu không sẽ trở nên khó hiểu.  ***Có mấy kiểu ẩn dụ thường gặp? VD?***    ***Nêu tác dụng của phép ẩn dụ? Lấy ví dụ, phân tích?***  ***? Nêu khái niệm, thế nào là hoán dụ? Lấy ví dụ minh họa?***  ***Có mấy kiểu hoán dụ thường gặp?***  **? Thế nào là điệp ngữ? Cho ví dụ?**  Có mấy dạng điệp ngữ?  ***\* Lưu ý:*** Điệp ngữ khác với *cách nói, cách viết* ***lặp*** do nghèo nàn về vốn từ, do không nắm chắc cú pháp nên nói và viết lặp, đó là một trong những lỗi cơ bản về câu.  Thế nào là chơi chữ? Một số kiểu chơi chữ thường gặp?  ? Thế nào là nói quá? Cho ví dụ? Phân tích?  ? Thế nào là nói giảm nói tránh? Cho ví dụ? Phân tích?  ? Thế nào là liệt kê? Cho ví dụ? Phân tích? | ***Phần 1. Lí thuyết***  *Các biện pháp tu từ từ vựng:* So sánh,ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, điệp ngữ, chơi chữ, nói quá, nói giảm- nói tránh.  ***1.So sánh***  ***- KN***: So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  -**VD:**  *Trong như tiếng hạc bay qua  Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.*  (Nguyễn Du) - *Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất*  (Tô Hoài)  ***2. Cấu tạo của phép so sánh*** Một phép so sánh thông thường gồm 3 yếu tố: (1). Vế A : Đối tượng ( là sự vật, hoặc phương diện ...) được so sánh. (2). Từ so sánh. (3). Vế B : Sự vật làm chuẩn để so sánh. + Trong 3 yếu tố trên đây yếu tố (1) và yếu tố (3) phải có mặt. Nếu vắng mặt cả yếu tố (1) thì giữa yếu tố (1) và yếu tố (3) phải có điểm tương đồng quen thuộc. Lúc đó ta có ẩn dụ.  VD: Khi ta nói : *Cô gái đẹp như hoa* là so sánh. Còn khi nói : *Hoa tàn mà lại thêm tươi* (Nguyễn Du) thì hoa ở đây là ẩn dụ. + Yếu tố (2) có thể là các từ : như, giống, tựa, khác nào, tựa như, giống như, là, bao nhiêu,…bấy nhiêu, hơn, kém … Mỗi yếu tố đảm nhận một sắc thái biểu cảm khác nhau: - Như có sắc thái giả định - Là sắc thái khẳng định - Tựa thể hiện mức độ chưa hoàn hảo,… + Trật tự của phép so sánh có khi được thay đổi. VD: *Như chiếc đảo bốn bề chao mặt sóng Hồn tôi vang tiếng vọng của hai miền.*  ***3. Các kiểu so sánh*** Dựa vào mục đích và các từ so sánh người ta chia phép so sánh thành hai kiểu: ***a) So sánh ngang bằng*** Phép so sánh ngang bằng thường được thể hiện bởi các từ so sánh sau đây: là, như, y như, tựa như, giống như hoặc cặp đại từ bao nhiêu…bấy nhiêu. Mục đích của so sánh nhiều khi không phải là tìm sự giống nhau hay khác nhau mà nhằm diễn tả một cách hình ảnh một bộ phận hay đặc điểm nào đó của sự vật giúp người nghe, người đọc có cảm giác hiểu biết sự vật một cách cụ thể sinh động. Vì thế *phép* *so sánh thường mang tính chất cường điệu.* VD: *Cao như núi, dài như sông*  (Tố Hữu) ***b) So sánh hơn kém*** Trong so sánh hơn kém từ so sánh được sử dụng là các từ : hơn, hơn là, kém, kém gì… VD:  - *Ngôi nhà sàn dài hơn cả tiếng chiêng* Muốn chuyển so sánh hơn kém sang so sánh ngang bằng người ta thêm một trong các từ phủ định: Không, chưa, chẳng... vào trong câu và ngược lại. VD: *Bóng đá quyến rũ tôi hơn những công thức toán học. Bóng đá quyến rũ tôi không hơn những công thức toán học.*  ***4. Tác dụng của so sánh*** + So sánh tạo ra những hình ảnh cụ thể sinh động. Phần lớn các phép so sánh đều lấy cái cụ thể so sánh với cái không cụ thể hoặc kém cụ thể hơn, giúp mọi người hình dung được sự vật, sự việc cần nói tới và cần miêu tả. VD: *Công cha như núi Thái Sơn Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.* (Ca dao) + So sánh còn giúp cho câu văn hàm súc gợi trí tưởng tượng của ta bay bổng. Vì thế trong thơ thể hiện nhiều phép so sánh bất ngờ. VD: *Tàu dừa chiếc lược chải vào mây xanh* Cách so sánh ở đây thật bất ngờ, thật gợi cảm. Yếu tố (3) bị lược bỏ. Người đọc người nghe tha hồ mà tưởng tượng ra các mặt so sánh khác nhau làm cho hình tượng so sánh được nhân lên nhiều lần. ***II. Nhân hoá.***  ***1. Khái niệm:***Nhân hoá là cách gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng thiên nhiên bằng những từ ngữ vốn được dùng đẻ gọi hoặc tả con người; làm cho thế giới loài vật, cây cối đồ vật, … trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ tình cảm của con người. Từ nhân hoá nghĩa là trở thành người. Khi gọi tả sự vật người ta thường gán cho sự vật đặc tính của con người. Cách làm như vậy được gọi là phép nhân hoá. VD: *Cây dừa Sải tay Bơi Ngọn mùng tơi Nhảy múa* (Trần Đăng Khoa)  ***2. Các kiểu nhân hoá*** Nhân hoá được chia thành các kiểu sau đây: + Gọi sự vật bằng những từ vốn gọi người VD: *Dế Choắt ra cửa, hé mắt nhìn chị Cốc. Rồi hỏi tôi : - Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta đấy hả ?*  (Tô Hoài) + Những từ chỉ hoạt động, tính chất của con người được dùng để chỉ hoạt động, tính chất sự vật. VD : *Muôn nghìn cây mía Múa gươm Kiến Hành quân Đầy đường*  (Trần Đăng Khoa) + Những từ chỉ hoạt động, tính chất của con người được dùng để chỉ hoạt động tính chất của thiên nhiên VD : *Ông trời Mặc áo giáp đen Ra trận*  (Trần Đăng Khoa) + Trò chuyện tâm sự với vật như đối với người VD : *Khăn thương nhớ ai Khăn rơi xuống đất ? Khăn thương nhớ ai Khăn vắt trên vai* (Ca dao) *Em hỏi cây kơ nia Gió mày thổi về đâu Về phương mặt trời mọc...*  (Bóng cây kơ nia)  ***3. Tác dụng của phép nhân hoá***Phép nhân hoá làm cho câu văn, bài văn thêm cụ thể, sinh động, gợi cảm ; làm cho thế giới đồ vật, cây cối, con vật được gần gũi với con người hơn. VD : *Bác giun đào đất suốt ngày Hôm qua chết dưới bóng cây sau nhà.*  (Trần Đăng Khoa)  ***III. Ẩn dụ*:**  ***1. Khái niệm:*** Ẩn dụ là cách gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện khác có nét tương đồng quen thuộc nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. Ẩn dụ thực chất là một kiểu so sánh ngầm trong đó yếu tố so sánh giảm đi chỉ còn yếu tố làm chuẩn so sánh được nêu lên. VD: Câu thơ: *Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*  (Viễn Phương) Mặt trời ở dòng thơ thứ hai chính là ẩn dụ.  Hoặc *Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng* (Nguyễn Khoa Điềm)Ca dao có câu: *Thuyền về có nhớ bến chăng ? Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.* Bến được lấy làm ẩn dụ để lâm thời biểu thị người có tấm lòng thuỷ chung chờ đợi, bởi những hình ảnh cây đa, bến nước thường gắn với những gì không thay đổi là đặc điểm quen thuộc ở những có người có tấm lòng thuỷ chung. Ẩn dụ chính là một phép chuyển nghĩa lâm thời khác với phép chuyển nghĩa thường xuyên trong từ vựng. Trong phép ẩn dụ, từ chỉ được *chuyển nghĩa lâm thời* mà thôi.  ***2. Các kiểu ẩn dụ*** Dựa vào bản chất sự vật hiện tượng được đưa ra so sánh ngầm, ta chia ẩn dụ thành các loại sau: + Ẩn dụ hình tượng là cách gọi sự vật A bằng sự vật B. VD: *Người Cha mái tóc bạc*  (Minh Huệ) Lấy hình tượng Người Cha để gọi tên Bác Hồ. + Ẩn dụ cách thức là cách gọi hiện tượng A bằng hiện tượng B. VD: *Về thăm quê Bác làng Sen  Có hàng râm bụt thắp lên lửa hồng.*  (Nguyễn Đức Mậu)Nhìn “hàng râm bụt” với những bông hoa đỏ rực tác giả tưởng như những ngọn đèn “thắp lên lửa hồng”. + Ẩn dụ phẩm chất là cách lấy phẩm chất của sự vật A để chỉ phẩm chất của sự vật B. VD: *Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.* Tròn và dài được lâm thời chỉ những phẩm chất của sự vật B. + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác là những ẩn dụ trong đó B là một cảm giác vốn thuộc một loại giác quan dùng để chỉ những cảm giác A vốn thuộc các loại giác quan khác hoặc cảm xúc nội tâm. Nói gọn là lấy cảm giác A để chỉ cảm giác B. VD: *Mới được nghe giọng hờn dịu ngọt Huế giải phóng nhanh mà anh lại muộn về.*  (Tố Hữu) Hay: *Đã nghe rét mướt luồn trong gió*  *Đã vắng người sang những chuyến đò*  (Xuân Diệu)  ***3. Tác dụng của ẩn dụ***  Ẩn dụ làm cho câu văn thêm giàu hình ảnh và mang tính hàm súc. Sức mạnh của ẩn dụ chính là mặt biểu cảm. Cùng một đối tượng nhưng ta có nhiều cách thức diễn đạt khác nhau. (thuyền – biển, mận - đào, thuyền – bến, biển – bờ) cho nên một ẩn dụ có thể dùng cho nhiều đối tượng khác nhau. Ẩn dụ luôn biểu hiện những hàm ý mà phải suy ra mới hiểu. Chính vì thế mà ẩn dụ làm cho câu văn giàu hình ảnh và hàm súc, lôi cuốn người đọc người nghe. VD : Trong câu : *Người Cha mái tóc bạc*  nếu thay *Bác Hồ mái tóc bạc* thì tính biểu cảm sẽ mất đi.  **IV. Hoán dụ**  ***1. Khái niệm:***  - Hoán dụ là tên gọi sự vật, hiện tượng, khái niệm bằng tên của sự vật hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  VD: Đầu bạc tiễn đầu xanh (Người già tiễn người trẻ: dựa vào dấu hiệu bên ngoài).  ***2. Các kiểu hoán dụ thường gặp:***  + Lấy một bộ phận để gọi toàn thể.  + Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng.  + Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật.  + Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.  ***V. Điệp ngữ***  ***1. Khái niệm:***  - Điệp ngữ là nhắc đi nhắc lại một từ, một ngữ trong câu văn, đoạn văn, câu thơ, đoạn thơ...  - Điệp ngữ vừa để *nhấn mạnh ý* vừa tạo cho câu văn, câu thơ, đoạn văn, đoạn thơ giàu  *âm điệu*, giọng văn trở nên tha thiết, nhịp nhàng hoặc hào hùng mạnh mẽ.  Ví dụ:  *Trời xanh đây là của chúng ta*  *Núi rừng đây là của chúng ta*  *Những cánh đồng thơm ngát*  *Những ngả đường bát ngát*  *Những dòng sông đỏ nặng phù sa*    **2.*Các loại điệp ngữ:***  + Điệp ngữ cách quãng.  + Điệp ngữ nối tiếp.  + Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)  Ví dụ:  *Anh đã tìm em rất lâu, rất lâu*  *Cô gái ở Thạch Kim, Thạch Nhọn*  *Khăn xanh, khăn xanh phơi đầy lán sớm*  *Sách giấy mở tung trắng cả rừng chiều.*  = ĐN *cách quãng*  *Chuyện kể từ những nỗi nhớ sâu xa*  *Thương em, thương em, thương em biết mấy*  = ĐN *nối tiếp*  ( Phạm Tiến Duật)  *Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*  *Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu*  *Ngàn dâu xanh ngắt một màu*  *Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai.*  = ĐN *vòng tròn*  (Chinh phụ ngâm)    **VI. Chơi chữ.**  ***1.Khái niệm****.*  - Chơi chữ là cách vận dụng ngữ âm, ngữ nghĩa của từ để tạo ra những cách hiểu bất ngờ, thú vị.  2***. Một số kiểu chơi chữ thường gặp:***  \* Dùng từ gần nghĩa, đồng nghĩa để chơi chữ...  *Nửa đêm, giờ tí, canh ba*  *Vợ tôi, con gái, đàn bà, nữ nhi*  \* Dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa:  *Trăng bao nhiêu tuổi trăng già*  *Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non.*  \* Dùng lối nói lái:  *Mang theo một cái phong bì*  *Trong đựng cái gì, đựng cái* ***đầu tiên****.*  *Hay: Con gái là* ***cái bòn***...  \* Dùng từ đồng âm:  *Bà già đi chợ Cầu Đông*  *Bói xem một quẻ lấy chồng* ***lợi*** *chăng?*  *Thầy bói xem quẻ nói rằng*  *Lợi thì có* ***lợi*** *nhưng răng không còn!*  Hoặc:  *Hỡi cô cắt cỏ bên sông*  *Có muốn ăn nhãn thì* ***lồng*** *sang đây*  (Ca dao)  - Từ tên một loại nhãn nổi tiếng ngon, ngọt, mát bổ *(nhãn lồng)* thế mà chàng trai lém lỉnh nọ đã khéo léo vận dụng để trêu chọc cô bạn gái rằng hãy chạy tế sang đây (*lồng sang sông!)*  anh mới cho ăn nhãn... Ca dao xưa hóm thật!  - Các lối chơi chữ: Văn thơ trào phúng, ca dao, chèo cổ (vai hề) thường sử dụng nhiều lối chơi chữ rất độc đáo.  ***VII. Nói quá***  ***1. Khái niệm: Nói quá*** là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, qui mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.  VD: Lỗ mũi mười tám ghánh long  Chồng yêu chồng bảo râu rồng trời cho  Đêm nằm thì ngáy o o  Chồng yêu chồng bảo ngáy cho vui nhà  Hoặc:  **-** Tôi nhớ em **rời rụng** **chân tay,**  Còn em quên bén cả ngày lẫn đêm.  ***VIII.* Nói giảm nói tránh:**  **1. Khái niệm: - *Nói giảm, nói tránh*** là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển tránh gây cảm giác đau buồn, ghê sợ, nặng nề, thô tục, thiếu lịch sự.  VD: **-** Bác Dương thôi đã thôi rồi  Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.  **-**Cháu bé đã bớt **đi ngoài** chưa hả chị?  ***IX.Liệt kê***  ***1. Khái niệm:* -** Là sắp xếp nối tiếp những đơn vị cú pháp cùng loại nhằm miêu tả sự phong phú, đa diện, phức tạp của sự vật.  VD: **-**Liệt kê đơn:**Cơm áo gạo tiền** bó buộc y.  -Liệt kê cặp:**Tiền bạc và của cải, công sức và trí tuệ** |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 2. ÔN TẬP CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ ĐÃ HỌC**

**A. Mục tiêu:** *Sau khi học xong bài này, học sinh có thể đạt được:*

***1. Kiến thức****:*

- Nêu được khái niệm các biện pháp tu từ đã học

- Lấy được ví dụ về các biện pháp tu từ đã học

- Làm các bài tập cụ thể

***2. Kỹ năng:***

- Làm thành thạo các bài tập liên quan đến các biện pháp tư từ đã học

***3. Thái độ:***

- Hứng thú trong giờ học, tập trung lắng nghe

- Có ý thức áp dụng kiến thức đã học vào làm các bài tập

***4. Năng lực:***

***-*** Giải quyết vấn đề, tư duy logic, sử dụng ngôn ngữ...

**B. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Soạn bài và đọc tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc và chuẩn bị bài ở nhà; tham khảo tài liệu có liên quan đến bài học.

**C. Tổ chức hoạt động dạy học:**

- Ổn định lớp

- Tổ chức dạy học bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv & Hs** | ***Nội dung cần đạt*** |
| ***Bài tập 1.***  Tìm và phân tích các hoán dụ trong các ví dụ sau:  a. *Chồng ta áo rách ta thương*  *Chồng người áo gấm xông hương mặc người*. (Ca dao)  b. *Sen tàn cúc lại nở hoa*  *Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân*  (Nguyễn Du)  c. *Một viên gạch hồng, Bác chống lại cả một mùa băng giá...*  (Chể Lan Viên)  **Bài tập 2:** Hai câu thơ sau sử dụng những biện pháp tu từ nào ?  **Bài tập 3:** Trong câu ca dao sau đây: Trâu ơi ta bảo trâu này Trâu ăn no cỏ trâu cày với ta Cách trò chuyện với trâu trong bài ca dao trên cho em cảm nhận gì ? **Bài tập 4:**  Tìm phép nhân hoá và nêu tác dụng của chúng trong những câu thơ sau:  Trong gió trong mưa Ngọn đèn đứng gác Cho thắng lợi, nối theo nhau Đang hành quân đi lên phía trước.  *(Ngọn đèn đứng gác- Chính Hữu)*  **Bài tập 5:**  Phân tích nghệ thuật ẩn dụ trong câu thơ sau: *"Thân em vừa trắng lại vừa tròn"* (Bánh trôi nước - Hồ Xuân Hương)  **Bài 6:**  *Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*  *Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*  (Viễn Phương - Viếng lăng Bác)  - Chỉ ra biện pháp tu từ trong hai câu thơ ?  - Phân tích giá trị biểu cảm ?  **Bài tập 7. Chỉ ra và phân tích các biện pháp tu từ trong các câu sau:**  a. Dưới trăng quyên đã gọi hè  Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bong  b. Áo chàm đưa buổi phân li  Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay  c. Vứt đi những thứ văn nghệ ngòn ngọt, bày ra sự phè phỡn thoả thuê hay cay đắng chất độc của bệnh tật, quanh quẩn vài tình cảm gầy gò của cá nhân co rúm lại. Chúng ta muốn có những tiểu thuyết, những câu thơ thay đổi được cả cuộc đời người đọc – làm thành người, đẩy chúng ta đến một sự sống trước kia chỉ đứng xa nhìn thấp thoáng.  d.Cờ bạc, r­ượu chè, lô đề,… nó đều thông thạo cả. Khổ thân nhất là bà già nhà nó. Lá vàng sắp rụng đến nơi mà vẫn phải khòng l­ưng quẩy gánh ngày ngày kiếm vài ba chục để nuôi kẻ đầu xanh  e.Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng.  ***Bài tập 1:*** *Phân biệt ẩn dụ, hoán dụ ?*  *- Chỉ ra những điểm khác nhau?*  - Bên cạnh đó ẩn dụ và hoán dụ có điểm chung nào?  ***Bài tập 2:*** *Viết đoạn văn ngắn nói lên những kỉ niệm, những cảm xúc sâu sắc của em đối với trường cấp hai thân yêu mà em đã gắn bó nhiều năm qua (đoạn văn sử dụng phép tu từ hoán dụ)*  ***Bài tập 3:*** *Em hãy tìm biện pháp tu từ và phân tích giá trị biểu đạt, biểu cảm của các biện pháp tu từ đó, trong hai câu thơ sau:*  *Bão bùng thân bọc lấy thân,*  *Tay ôm, tay níu, tre gần nhau thêm.*  *(“Tre Việt Nam”-Nguyễn Duy)*  ***Bài tập 4:*** *Viết đoạn văn ngắn (6-8 câu) nêu cảm nhận của em về một giờ ra chơi mà em thấy thú vị nhất. Đoạn văn có sử dụng một số biện pháp tu từ đã học, ghạch chân và chú thích các biện pháp tu từ đó?* | ***Phần I. Bài tập cơ bản.***    *Gợi ý:*  \* a. *“ áo rách”* là hoán dụ lấy quần áo (áo rách) để thay cho con người (người nghèo khổ).  *“áo gấm”* cũng là hoán dụ lấy quần áo (áo gấm) để thay cho con người( người giàu sang, quyền quí).  \* b. “ Sen” là hoán dụ lấy loài hoa đặc trưng ( hoa sen) để chỉ mùa (mùa hạ).  Cúc” là hoán dụ lấy loài hoa đặc trưng ( hoa cúc) để chỉ mùa (mùa thu).  - Chỉ với hai câu thơ nhưng Nguyễn Du đã diễn đạt được bốn mùa chuyển tiếp trong một năm, mùa hạ đi qua mùa thu lại đến rồi mùa thu kết thúc, đông bước sang, đông tàn, xuân lại ngự trị.  \* c. “Viên gạch hồng” là hoán dụ lấy đồ vật (viên gạch hồng) để biểu trưng cho nghị lực thép, ý chí thép của con người. (Bác Hồ vĩ đại).  - “ Băng giá” là hoán dụ lấy hiện tượng tiêu biểu (cái lạnh ở Pa-ri) để gọi thay cho mùa (mùa đông)  **Bài tập 2:** Hai câu thơ sau sử dụng những biện pháp tu từ nào ?  *“Mặt trời xuống biển như hòn lửa*  *Sóng đã cài then đêm sập cửa”*  A. Nhân hoá và so sánh C. Ẩn dụ và hoán dụ.  B. Nói quá và liệt kê. D. Chơi chữ và điệp từ.  *Gợi ý: A*  *Gợi ý :* - Chú ý cách xưng hô của người đối với trâu. Cách xưng hô như vậy thể hiện thái độ tình cảm gì ? Tầm quan trọng của con trâu đối với nhà nông như thế nào ? Theo đó em sẽ trả lời được câu hỏi.  *Gợi ý :* Chú ý cách dùng các từ vốn chỉ hoạt động của người như: - Đứng gác, nối theo nhau, hành quân, đi lên phía trước.  *\* Gợi ý:*  - Nghĩa đen: Bánh trôi nước về màu sắc và hình dáng  - Nghĩa bóng : Hình ảnh về vẻ đẹp người phụ nữ có làn da trắng và thân hình đầy đặn .  Khi phân tích ta làm như sau : Cách sử dụng nghệ thuật ẩn dụ của nhà thơ thật tài tình vì qua hình ảnh cái bánh nhà thơ đã gợi cho người đọc hình dung được một hình ảnh khác thật sâu săc kín đáo đó là hình ảnh về vẻ đẹp người phụ nữ có làn da trắng và thân hình đầy đặn *(nghĩa bóng)* - từ đó gợi cảm xúc cho người đọc về người phụ nữ xưa ...  *\* Gợi ý:*  - *Phép tu từ ẩn dụ*: Mượn hình ảnh *mặt trời* để chỉ Bác Hồ  - Cách sử dụng nghệ thuật ẩn dụ của nhà thơ thật tài tình vì qua hình ảnh “mặt trời” là một vầng thái dương “nghĩa đen”, tác giả tạo ra một hình ảnh so sánh ngầm sâu sắc, tế nhị làm cho người đoc suy nghĩ và hình dung ra được hình ảnh của Bác Hồ (nghĩa bóng) một con người rực rỡ và ấm áp như mặt trời dẫn dắt dân tộc ta trên con đường giành tự do và độc lập xây dựng tổ quốc công bằng dân chủ văn minh từ đó tạo cho người đọc một tình cảm yêu mến khâm phục vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc chúng ta.  **Gợi ý.**  a. Ẩn dụ: lửa lựu, chỉ hoa lựu nở nhiều, đỏ rực như những đốm lửa. Cách nói ẩn dụ làm cho bức tranh trở nên sinh động, rực rỡ sắc màu, hoa lựu không chỉ có màu, mà còn có độ sáng, độ nóng. Điệp phụ âm đầu “L” trong các từ “lửa lựu lập lòe” làm cho câu thơ có sức tạo hình.  b. Hoán dụ: “Áo chàm” chỉ đồng bào Việt Bắc  c. Ẩn dụ Văn nghệ ngòn ngọt: thứ văn nghệ tầm thường, hào nhoáng bề ngoài, không có giá trị  Tình cảm gầy gò: (phản ánh) những tình cảm, cảm xúc thoáng qua, vô nghĩa, tầm thường…  d. *Lá vàng* sắp rụng đến nơi mà vẫn phải khòng l­ưng quẩy gánh ngày ngày kiếm vài ba chục để nuôi*kẻ đầu xanh*  Ẩn dụ lá vàng: người già  Kẻ đầu xanh : người còn trẻ  e.Chao ôi, trông con sông, vui như thấy *nắng giòn tan* sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng.  Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: Nắng giòn tan  ***Phần II. Bài tập nâng cao***  ***Bài tập 1***  Gợi ý:  **1. Những điểm khác nhau.**  **a. ẨN DỤ**:   - Giữa hai sự vật, hiện tượng có mối quan hệ tương đồng, tức giống nhau về phương diện nào đó.(hình thức; cách thức thực hiện; phẩm chất; cảm giác).  - Ẩn dụ lâm thời biểu hiện mối quan hệ giống nhau giữa hai sự vật.  - Cơ sở của ẩn dụ dựa trên sự liên tư­ởng giống nhau của hai đối tượng bằng so sánh ngầm.  - Về mặt nội dung(cấu tạo bên trong), ẩn dụ phải rút ra nét cá biệt giống nhau giữa hai đối tượng vốn là khác loại, không cùng bản chất. Nét giống nhau là cơ sở để hình thành ẩn dụ, đồng thời cũng là hạt nhân nội dung của ẩn dụ.  - Chức năng chủ yếu của ẩn dụ là biểu cảm. Hiện nay ẩn dụ được dùng rộng rãi trong nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau, không những trong văn xuôi nghệ thuật mà còn trong phong cách chính luận nhưng nhiều nhất vẫn là trong thơ ca.  **b. HOÁN DỤ**  - Giữa hai sự vật, hiện tượng có mối quan hệ tương cận, tức đi đôi, gần gũi với nhau (bộ phận - toàn thể; vật chứa đựng - vật bị chứa đựng; dấu hiệu của sự vật - sự vật; cụ thể - trừu tượng).  - Hoán dụ biểu thị mối quan hệ gần gũi, có thực giữa đối tượng biểu hiện và đối tượng được biểu hiện.  - Cơ sở của hoán dụ dựa trên sự liên tưởng kề cận của hai đối tượng mà không so sánh.  - Về mặt nội dung cơ sở để hình thành hoán dụ là sự liên tưởng phát hiện ra mối quan hệ khách quan có thực có tính chất vật chất hoặc logic giữa các đối tượng.  - Chức năng chủ yếu của hoán dụ là nhận thức. Nó được dùng trong nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau nhưng thường đắc dụng trong văn xuôi nghệ thuật, vì sức mạnh của nó vừa ở tính cá thể hoá và tính cụ thể vừa ở tính biểu cảm kín đáo và sâu sắc.  **2. NHỮNG ĐIỂM GIỐNG NHAU:**  - Cả ẩn dụ và hoán dụ đều lấy tên sự vật, hiện tư­ợng này để gọi tên sự vật hiện t­ượng khác có nét tương đồng với nó.  - Về mặt hình thức hoán dụ giống ẩn dụ ở chỗ chỉ có một vế (*vế biểu hiện*), còn vế kia(*vế được biểu hiện*) bị che lấp đi.  - Nó được dùng trong nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau.  ***Bài tập 2:***  Chẳng bao lâu nữa, em và các bạn từ dã mái trường cấp hai thân yêu để thi vào trường THPT. Thầy cô giáo, bạn học, lớp học, sân trường, hàng cây...đã để lại trong em bao kỉ niệm đẹp một thời cắp sách. Là sao có thể quên được những buổi lao động, những giờ liên hoan văn nghệ, những trận đá bóng trên sân trường. Cô giáo chủ nhiệm lớp 9A, dạy văn là cây đơn ca tuyệt vời, được toàn trường mếm mộ. Đội bóng lớp 9A có nhiều chân ghi bàn lợi hại đã giật giải vô địch bóng đá của trường. Cây bàng, tán xòe rộng như chiếc ô xanh che mát một góc sân trường là người bạn thân thiết của chúng em. Hôm nay, lá bàng thì thầm trong gió như gửi lời chào yêu thương tới các bạn nhỏ-những cánh chim non sắp rời tổ ấm bay tới mọi chân trời .  ***Bài tập 3:***  - Các biện pháp tu từ:  + Bão bùng: Hình ảnh tượng trưng cho gian khổ, khó khăn  + Nhân hóa: thân bọc lấy thân, tay ôm tay níu.  + Điệp từ: “thân”, “tay” được láy lại hai lần.  - Giá trị biểu đạt biểu cảm:  Đây là hai câu thơ đặc sắc nhất trong bài thơ “Tre VN’ của Nguyễn Duy. Tre không chỉ là vẻ đẹp thân mật của làng quê mà còn là biểu tượng cho các phẩm chất cao quý của người nông dân VN. Cũng như tre gắn bó với nhau “nên lũy nên thành”, người dân cày VN, trong bão bùng” gian khổ, biết yêu thương đoàn kết che chở cho nhau “thân bọc lấy thân”, bảo vệ nhau “tay ôm tay níu” để cùng tồn tại, phát triển và sống trong hạnh phúc. Điệp từ làm cho ý thơ được nhấn mạnh, giọng thơ êm ái nhịp nhàng, gợi cảm. Niềm thương mến và tự hào của tác giả được diễn tả trong một vần thơ hàm súc, hình tượng và truyền cảm sâu sắc.  ***Bài tập 4:***  Giờ ra chơi, trường ồn như vỡ chợ. Vài nhóm nữ sinh tụ tập dưới tán lá mát rượi của cụ bàng; từng cặp từng cặp bạn nam chơi đá cầu với nhau, trên vai ai nấy đều ướt đẫm ánh nắng; một đám học sinh khác lại ùa đến căn-tin ăn quà vặt;... Cảnh vui tươi, nhộn nhịp đó khó có người học trò nào quên được. Bởi sau mỗi giờ ra chơi lại khiến chúng tôi thấy tinh thần sáng khoái hơn, tràn trề sức lực để học tập tốt hơn.  \*lại: phó từ chỉ sự tiếp diễn tương tự.  \*ồn như vỡ chợ: so sánh  \*cụ bàng: nhân hóa kiểu dùng những từ vốn dùng để gọi người để gọi sự vật.  \*ướt đẫm ánh nắng: ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. (thị->xúc)  \*trường: hoán dụ kiểu lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng. |

**D. Củng cố:** Nhắc lại kiến thức bài học.

**E. Dặn dò:** Xem trước các kiến thức về: Điệp ngữ, chơi chữ, liệt kê, nói giảm nói tránh.

**G. Bài tập về nhà:**

Bài tập1:

Chỉ ra các ẩn dụ và nêu ý nghĩa ẩn dụ trong các câu ca dao, câu thơ sau:

                            Trăm năm đành lỗi hẹn hò

                       Cây đa bến cũ con đò khác đ­ưa.

\*Gợi ý:

Cây đa bến cũ - những kỷ niệm đẹp

Con đò khác đ­ưa - cô gái đã đi lấy ngư­ời con trai khác làm chồng - đã thay đổi, xa nhau*…*

*(Tác giả dân gian đã chọn được hình ảnh ẩn dụ đẹp,quen thuộc, gợi nhớ diễn đạt được một lời oán trách kín đáo).*

Bài tập 2

a.Phân biệt ẩn dụ và hoán dụ trong câu thơ sau của Nguyễn Bính:

                                  Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,

                              Cau thôn Đoài nhớ trầu không thôn nào.

\*Gợi ý:

*- Hoán dụ:*

*thôn Đoài, thôn Đông - ng­ười thôn Đoài, ngư­ời thôn Đông (ẩn)*

*- Ẩn dụ:*

*cau, trầu - chỉ ng­ười đang yêu, đang nhớ nhau -  cách nói lấp lửng, bóng gió trong tình yêu đôi lứa(ẩn)*

Bài tập 3.

  Xác định và phân tích biện pháp tu từ trong các ví dụ sau:

Em nối sợi gàu dài

Ai ngờ giếng cạn

Em tiếc hoài sợi dây”***(Ca dao)***

\*Gợi ý:

|  |  |
| --- | --- |
|  | B ( vế biểu hiện) |
| - Tình cảm chân thật, sâu sắc  - Vun đắp tình cảm  - Tình cảm hời hợt  -Tiếc công vun đắp tình cảm | -Giếng sâu  -Gàu dài  - Giếng cạn     - Sợi dây |

Hàm ý than thở, oán trách người yêu - Ẩn dụ

**PHIẾU BÀI TẬP Tiết 1+2**

**ÔN TẬP CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ ĐÃ HỌC**

***Phần I. Bài tập cơ bản.***

***Bài tập 1.*** Tìm và phân tích các hoán dụ trong các ví dụ sau:

a. *Chồng ta áo rách ta thương*

*Chồng người áo gấm xông hương mặc người*.

(Ca dao) b. *Sen tàn cúc lại nở hoa*

*Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân*

(Nguyễn Du)

c. *Một viên gạch hồng, Bác chống lại cả một mùa băng giá...*

(Chể Lan Viên)

**Bài tập 2:** Hai câu thơ sau sử dụng những biện pháp tu từ nào ?

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

*Sóng đã cài then đêm sập cửa”*

A. Nhân hoá và so sánh C. Ẩn dụ và hoán dụ.

B. Nói quá và liệt kê. D. Chơi chữ và điệp từ.

**Bài tập 3:** Trong câu ca dao sau đây:  
 Trâu ơi ta bảo trâu này  
 Trâu ăn no cỏ trâu cày với ta  
Cách trò chuyện với trâu trong bài ca dao trên cho em cảm nhận gì ?

**Bài tập 4:**  Tìm phép nhân hoá và nêu tác dụng của chúng trong những câu thơ sau:

Trong gió trong mưa  
Ngọn đèn đứng gác  
Cho thắng lợi, nối theo nhau  
Đang hành quân đi lên phía trước.

*(Ngọn đèn đứng gác- Chính Hữu)*

**Bài tập 5:**

Phân tích nghệ thuật ẩn dụ trong câu thơ sau:

*"Thân em vừa trắng lại vừa tròn"*

(Bánh trôi nước - Hồ Xuân Hương)

**Bài 6:**

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*

(Viễn Phương - Viếng lăng Bác)

- Chỉ ra biện pháp tu từ trong hai câu thơ ?

- Phân tích giá trị biểu cảm ?

**Bài tập 7. Chỉ ra và phân tích các biện pháp tu từ trong các câu sau:**

a. Dưới trăng quyên đã gọi hè

Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bong

b. Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay

c. Vứt đi những thứ văn nghệ ngòn ngọt, bày ra sự phè phỡn thoả thuê hay cay đắng chất độc của bệnh tật, quanh quẩn vài tình cảm gầy gò của cá nhân co rúm lại.Chúng ta muốn có những tiểu thuyết, những câu thơ thay đổi được cả cuộc đời người đọc – làm thành người, đẩy chúng ta đến một sự sống trước kia chỉ đứng xa nhìn thấp thoáng.

d.Cờ bạc, r­ượu chè, lô đề,… nó đều thông thạo cả. Khổ thân nhất là bà già nhà nó. Lá vàng sắp rụng đến nơi mà vẫn phải khòng l­ưng quẩy gánh ngày ngày kiếm vài ba chục để nuôi kẻ đầu xanh

e.Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng.

***Phần II. Bài tập nâng cao***

***Bài tập 1***

*Phân biệt ẩn dụ, hoán dụ ?*

*- Chỉ ra những điểm khác nhau?*

- Bên cạnh đó ẩn dụ và hoán dụ có điểm chung nào?

***Bài tập 2:*** *Viết đoạn văn ngắn nói lên những kỉ niệm, những cảm xúc sâu sắc của em đối với trường cấp hai thân yêu mà em đã gắn bó nhiều năm qua (đoạn văn sử dụng phép tu từ hoán dụ)*

***Bài tập 3:*** *Em hãy tìm biện pháp tu từ và phân tích giá trị biểu đạt, biểu cảm của các biện pháp tu từ đó, trong hai câu thơ sau:*

*Bão bùng thân bọc lấy thân,*

*Tay ôm, tay níu, tre gần nhau thêm.*

*(“Tre Việt Nam”-Nguyễn Duy)*

***Bài tập 4:*** *Viết đoạn văn ngắn (6-8 câu) nêu cảm nhận của em về một giờ ra chơi mà em thấy thú vị nhất. Đoạn văn có sử dụng một số biện pháp tu từ đã học, ghạch chân và chú thích các biện pháp tu từ đó?*

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 3. ÔN TẬP CÂU PHÂN LOẠI THEO MỤC ĐÍCH NÓI**

**A.** **Mục tiêu cần đạt:** *Giúp học sinh*

1. Kiến thức:

- Nêu được đặc điểm, hình thức, chức năng của các câu nghi vấn, cảm thán, trần thuật, phủ định, cầu khiến.

- Lấy được ví dụ các kiểu câu.

- Làm được các bài tập

2. Kĩ năng: Sử dụng thành thạo các kiểu câu trong nói và viết.

3. Thái độ:

- Có ý thức sử dụng các kiểu câu trong nói, viết một cách hợp lí có hiệu quả.

- Hứng thú, tích cực trong giờ học

4. Năng lực: Năng lực tự quản bản thân, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực thưởng thức và cảm thụ thẩm mĩ, năng lực tự học…

**B.** **Chuẩn bị:**

1. GV: Sgk, Giáo án, Phiếu bài tập

2. Học sinh: Sgk, soạn bài

**C. Tiến trình dạy- học**

1. Ổn định lớp:

2. Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **- Thời gian: 30 phút**  **- Phương pháp:**  + Phát vấn.  + Động não  ? Thế nào là câu nghi vấn? Cho ví dụ?  ? Nêu hình thức, chức năng của câu nghi vấn?  ? Nêu hình thức, chức năng của câu cầu khiến?  ? Nêu hình thức, chức năng của câu phủ định?  ? Hãy cho biết đặc điểm hình thức, chức năng, dấu hiệu nhận biết, khả năng sử dụng của câu cảm thán, câu trần thuật?  GV: phát PBT  - HS: làm việc cá nhân, TLN, trình bày…  - GV: NX, đánh giá  Tiết 1: Làm BT 1,2,3,4.  Tiết 2: Làm BT 5,6,7,8. | **I. Kiến thức cơ bản**  **1. Câu nghi vấn:**  a. Đặc điểm**:**  + Thường có dấu chấm hỏi  + Câu có những từ nghi vấn: có…không, làm (sao), hay (là)  b. Hình thức: có từ ngữ nghi vấn  Khi viết, kết thúc bằng dấu chấm hỏi  c. Chức năng:  + Chức năng chính: Dùng để hỏi  + Các chức năng khác: Cầu khiến, phủ định, đe doạ, bộc lộ cảm xúc  \* Một số trường hơp câu nghi vấn kết thúc bằng dấu chấm, chấm than, chấm lửng  **2. Câu cầu khiến**  a. Hình thức  + Có từ ngữ cầu khiến: Hãy, đừng, chớ. .  + Kết thúc câu: dấu chấm than; dấu chấm.  b. Chức năng: ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo  **3.Câu phủ định:**  a.Hình thức: Có từ ngữ phủ định: *Không, chẳng, chả, chưa, không phải ....*  b. Mục đích: Dùng để:  - Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (phủ định miêu tả)  - Phản bác một ý kiến, một nhận định (phủ định bác bỏ)  **4. Câu cảm thán, câu trần thuật:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tiêu chí | Câu cảm thán | Câu trần thuật | | Đặc điểm hình thức | Từ ngữ cảm thán | Kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán | | Chức năng | Bộc lộ trực tiếp cảm xúc | Kể, thông báo, nhận định, miêu tả....yêu cầu, bộc lộ cảm xúc | | Dấu hiệu nhận biết | Dấu chấm than | Dấu chấm, đôi khi dấu chấm than, hoặc chấm lửng | | Khả năng sử dụng | Kiểu câu cơ bản dùng chủ yếu trong giaotiếp | Kiểu câu cơ bản dùng chủ yếu trong giao tiếp |   **II/ Luyện tập** |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 4. ÔN TẬP CÂU PHÂN LOẠI THEO MỤC ĐÍCH NÓI**

**A.** **Mục tiêu cần đạt:** *Giúp học sinh*

1. Kiến thức:

- Nêu được đặc điểm, hình thức, chức năng của các câu nghi vấn, cảm thán, trần thuật, phủ định, cầu khiến.

- Lấy được ví dụ các kiểu câu.

- Làm được các bài tập

2. Kĩ năng: Sử dụng thành thạo các kiểu câu trong nói và viết.

3. Thái độ:

- Có ý thức sử dụng các kiểu câu trong nói, viết một cách hợp lí có hiệu quả.

- Hứng thú, tích cực trong giờ học

4. Năng lực: Năng lực tự quản bản thân, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực thưởng thức và cảm thụ thẩm mĩ, năng lực tự học…

**B.** **Chuẩn bị:**

1. GV: Sgk, Giáo án, Phiếu bài tập

2. Học sinh: Sgk, soạn bài

**C. Tiến trình dạy- học**

1. Ổn định lớp:

2. Bài mới:

**Luyện tập (tiếp)**

**PHIẾU BÀI TẬP TIẾT 3+ 4**

**Bài tập 1 *.* Nêu mục đích cụ thể của những câu trần thuật dưới đây:**

a/ (1) Mỗi câu “ Chối này” chị Cốc lại giáng một mỏ xuống. (2) Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất.

b/ (1) Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện. (2) Trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, chung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá.

c/ Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo vì mặt nó luôn bị chính nó bôi bẩn.

d/ Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt.

e/ Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con.

**Bài tập 2 .Tìm các câu cảm thán trong các VD sau.Chỉ ra dấu hiệu của câu cảm thán?**

a.Ôi quê hương! Mối tình tha thiết

Cả một đời gắn chặt với quê hương (Tế Hanh)

b.Phỏng có thằng chim cắt nó nhòm thấy,nó tưởng mồi,nó mổ cho một phát,nhất định trúng giữa lưng chú,thì chú có mà đi đời! Ôi thôi,chú mày ơi!Chú mày có lớn mà chẳng có khôn.

c.Con này gớm thật!(Nguyên Hồng)

d.Ôi! Tôi sẽ nhớ mãi buổi học cuối cùng này!(Buổi học cuối cùng)

e.Chao ôi!Cũng mang tiếng là ghế mây!...Cái thì xộc xệch,cái thì bốn chân rúm lại,và chẳng cái nào nước sơn không tróc cả ra như da thằng hủi.(Nam Cao)

**Bài tập 3.Chỉ ra các cảm xúc mà mỗi câu cảm thán dưới đây biểu thị**

**a. Khốn nạn**! Nhà cháu đã không có,dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi.(NTT)

**b. Ha ha**! Một lưỡi gươm!(Sự tích Hồ Gươm)

**c. Đồ ngu! Ngốc sao ngốc thế**!Đòi một cái nhà thôi à?Trời đi tìm ngay con cá và bảo nó rằng tao không muốn làm một mụ nông dân quèn,tao muốn làm một bà nhất phẩm phu nhân kia.

c.Cứ nghĩ thầy sắp ra đi và tôi ko còn gặp được thầy nữa,là tôi quên cả những lúc thầy phạt,thày vụt thước kẻ.

**-Tội nghiệp thầy**! (Buổi học cuối cùng)

d. **Ôi**! Tai hoạ lớn của xứ An-dát chúng ta là bao giờ cũng hoãn việc học đến ngày mai.

e.Còn dòng sông thì không còn cái vẻ ồn ào hung dữ của một dòng nước đang cuộn chảy,mà nom im lặng,nhỏ bé và hiền lành biết bao giữa giữa núi rừng rộng lớn.

**- Đẹp quá !**

Tiếng anh Hoan thì thào bên tai tôi.(Trần Kim Thành)

**Bài tập 4.Đặt các câu cảm thán nhằm bộc lộ cảm xúc trước các sự việc sau**:

a. Được điểm 10

b. Bị điểm kém

c. Được nhìn thấy một con vật lạ.

**BT5. Diễn đạt ý nghĩa của các câu sau bằng các câu phủ định (ý nghĩa cơ bản của câu vẫn không thay đổi):**

a/ Hôm qua nó ở nhà.

b/ Trong giờ học nó rất trật tự.

Từ đó, trả lời câu hỏi: Bằng cách nào có thể biến câu phủ định thành câu khẳng định và ngược lại mà ý nghĩa chính của câu không thay đổi ?

**Bài tập 6*. Câu in đậm dưới đây được đánh dấu câu có đúng với kiểu câu phân loại theo mục đích nói không ? Hãỹ giải thích cách đánh dấu câu của tác giả.***

Một hôm, tôi sang chơi, thấy trong nhà luộm thuộm, bề bộn, tôi bảo :

**- Sao chú mày sinh sống cẩu thả như thế !**

**Bài tập 7*. Tìm câu nghi vấn trong các câu dưới đây, chỉ ra các đặc điểm hình thức của các câu nghi vấn đó và cho biết chúng được dùng với mục đích gì.***

a/ Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à ? Nộp tiền sưu ! Mau !

b/ Tôi quắc mắt:

- Sợ gì ? (...) Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa !

c/ Tôi nào đâu biết cơ sự lại ra nông nỗi này ! Tôi hối hận lắm ! Tôi hối hận lắm ! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ ?

d/ Thân gầy guộc lá mong manh

Mà sao nên lũy nên thành tre ơi ?

e/ Cả đàn bò giao cho thằng bé người không ra người ngợm không ra ngợm ấy,chăn dắt làm sao ?

**Bài tập 8:** Viết đoạn văn ngắn từ 8 - 10 câu nêu cảm nghĩ của em về văn bản “Quê hương” của Tế Hanh. Trong đoạn văn có sử dụng các câu phân loại theo mục đích nói ở trên.

**\*** **Bài tập về nhà**

Viết đoạn văn ngắn từ 8 - 10 câu nêu cảm nghĩ của em về hỡnh ảnh Hồ Chớ Minh trong bài thơ Tức cảnh Pác Bó . Trong đoạn văn có sử dụng các câu phân loại theo mục đích nói ở trên.

**GỢI Ý PHIẾU BÀI TẬP TIẾT 3 + 4**

**Bài tập 1. Gợi ý**

**a/** ( 1) -> kể; (2) -> miêu tả.

b/ (1,2) -> kể.

c/ giới thiệu.

d/ nhận xét.

e/ tuyên bố.

**Bài tập 2: Gợi ý**

a. Ôi quê hương!

b. Ôi thôi,chú mày ơi !

c. Con này gớm thật!

d. Ôi !

e. Chao ôi !

**Bài tập 3: Gợi ý**

a. Khốn nạn!

-> Cảm xúc than vãn,than thở.

b. Ha ha ! -> Cảm xúc vui mừng ngạc nhiên

c. Đồ ngu!Ngốc sao ngốc thế!

-> Cảm xúc chê bai bực tức.

- Tội nghiệp thầy! -> Cảm xúc thương xót

d. Ôi! -> Cảm xúc đau thương, buồn.

e. Đẹp quá! -> Cảm xúc vui mừng, thán phục.

**Bài tập 4: Gợi ý**

a/ A,tớ được 10.

b/ Chán thật,lại bị 1.

c/ Ơ kìa,con gì lạ quá nhỉ !

**Bài tập 5: Gợi ý.**

- Bước 1: biến câu đã cho thành câu PĐ: ***Hôm qua, nó không ở nhà.***

- Bước 2: tìm từ đồng nghĩa với cụm từ có từ PĐ:

***không ở nhà = đi đâu đó***

- Bước 3: đặt thành câu PĐ có từ ngữ vừa tìm được ở bước 2: ***Hôm qua nó không đi đâu cả.***

**Bài tập 6.**

-> Là câu nghi vấn ( đại từ nghi vấn- sao)

-> Đây là câu nghi vấn dùng để bộc lộ cảm xúc

-> kết thúc câu dùng dấu !

**Bµi tËp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Câu nghi vấn | Đặc điểm HT | Chức năng |
| A | câu 2 | à + ? | mỉa mai |
| B | câu 1 | gì + ! | phủ định |
| C | câu 1+5 | nào đâu+!  thế nào+? | phủ định |
| D | câu 2 | sao+ ? | bộc lộ cảm xúc |
| E | câu 1 | làm sao+? | phủ định |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 5. ÔN TẬP TRỢ TỪ, THÁN TỪ, TÌNH THÁI TỪ**

**A.** **Mục tiêu cần đạt:** *Sau khi học xong bài này, học sinh có thể đạt được:*

**1. Kiến thức:**

- Nêu được khái niệm trợ từ, thán từ, tình thái từ.

- Lấy được ví dụ về trợ từ, thán từ, tình thái từ.

- Làm được các bài tập xác định trợ từ, thán từ, tình thái từ.

**2. Kĩ năng**: Sử dụng thành thạo trợ từ, thán từ, tình thái từ trong nói và viết.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức sử dụng trợ từ, thán từ, tình thái từ trong nói, viết một cách hợp lí có hiệu quả.

- Hứng thú trong giờ học

**4. Năng lực:** Năng lực tự quản bản thân, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực thưởng thức và cảm thụ thẩm mĩ, năng lực tự học…

**B.** **Chuẩn bị:**

1. GV: Sgk, Giáo án, Phiếu bài tập

2. Học sinh: Sgk, soạn bài

**C. Tiến trình dạy- học**

1. Ổn định lớp:

2. Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **- Thời gian: 30 phút**  **- Phương pháp:**  + Phát vấn.  + Động não  ? Thế nào là trợ từ? Cho ví dụ?  ? Khi sử dụng trợ từ cần lưu ý điều gì?  ? Thế nào là thán từ? Cho ví dụ?  ? Có mấy loại thán từ?  ? Chức năng chính của tình thái từ là gì?  ? Dực vào chức năng hãy cho biết tình thái từ có mấy loại?  GV: phát PBT  - HS: làm việc cá nhân, TLN, trình bày…  - GV: NX, đánh giá  Tiết 1: Làm BT 1,2,3,4.  Tiết 2: Làm BT 5,6,7,8. | **I. Kiến thức cơ bản**  **1. Trợ từ:**  **a. Khái niệm:**  Là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc để nêu ý nghĩa đánh giá sự vật, sự việc được các từ ngữ đó biểu thị.  **b. Các lưu ý:**  - Có những từ có hình thức âm thanh giống với các trợ từ nhưng không phải là trợ từ.  Ví dụ:  + Nó đưa tôi những 100 ngàn đồng.  + Nó đưa tôi những đồng bạc cuối cùng trong túi của nó.  (Ví dụ 1 là trợ từ; ví dụ 2 không phải là trợ từ mà là lượng từ )  - Trợ từ chia làm 2 loại:  + Trợ từ biểu thị cách đánh giá về sự vật, sự việc…  Ví dụ - Nó đưa cho tôi có 50 nghìn đồng.  - Nó đưa cho tôi những 50 nghìn đồng.  + Trợ từ dùng để nhấn mạnh:  Ví dụ  - Ngay bản thân anh, anh còn không hiểu.  - Chính mắt tôi nhìn thấy.  **2. Thán từ:**  a. Khái niệm*:*  - Là từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp.  - Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi được tách thành câu đặc biệt.  b. Các loại thán từ: Gồm 2 loại chính:  - Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc.  - Thán từ gọi đáp  **3. Tình thái từ:**  a.Chức năng của tình thái từ:  + Tình thái từ dùng để tạo câu chia theo mục đích nói.  + Tình thái từ dùng để biểu thị tình cảm, cách ứng xử của người nói như: ạ, nhé, cơ, mà...  Ví dụ: Em ăn phở ạ!  Em ăn phở cơ.  ( *ạ* biểu thi thái độ lễ phép; *cơ* biểu thị sự thân mật kèm chút nũng nịu )  b. Các loại tình thái từ: Gồm các loại đáng chú ý sau:  - TTT nghi vấn: à,ư, hả, hử, chứ chăng…  - TTT cầu khiến: đi, nào, với…  - TTT cảm thán: thay, sao….  - TTT biểu thị sắc tháI tình cảm: ạ, nhé, cơ, mà…  -> Khi sử dụng tình thái từ phải chú ý lựa chọn sao cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp, phù hợp với quan hệ xã hôi, thứ bậc, tình cảm.  **II/ Luyện tập** |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 6. ÔN TẬP TRỢ TỪ, THÁN TỪ, TÌNH THÁI TỪ**

**(tiếp theo)**

**A.** **Mục tiêu cần đạt:** *Sau khi học xong bài này, học sinh có thể đạt được:*

**1. Kiến thức:**

- Nêu được khái niệm trợ từ, thán từ, tình thái từ.

- Lấy được ví dụ về trợ từ, thán từ, tình thái từ.

- Làm được các bài tập xác định trợ từ, thán từ, tình thái từ.

**2. Kĩ năng**: Sử dụng thành thạo trợ từ, thán từ, tình thái từ trong nói và viết.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức sử dụng trợ từ, thán từ, tình thái từ trong nói, viết một cách hợp lí có hiệu quả.

- Hứng thú trong giờ học

**4. Năng lực:** Năng lực tự quản bản thân, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực thưởng thức và cảm thụ thẩm mĩ, năng lực tự học…

**B.** **Chuẩn bị:**

1. GV: Sgk, Giáo án, Phiếu bài tập

2. Học sinh: Sgk, soạn bài

**C. Tiến trình dạy- học**

1. Ổn định lớp:

2. Bài mới:

**Luyện tập (tiếp)**

**PHIẾU BÀI TẬP TIẾT 5+ 6**

**ÔN TẬP: TRỢ TỪ, THÁN TỪ, TÌNH THÁI TỪ**

Bài tập 1: Xác định từ loại cho những từ in đậm sau:

a. Đối với ***những*** người người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ thì thấy họ chỉ toàn xấu xa, bì ổi...toàn ***những*** cớ cho ta tàn nhẫn.

1. Đường trơn, trời lại tối ***mà*** nó vẫn đến đúng giờ ***mà***.
2. Có ***mà***mày bị điếc .
3. Anh ấy ***đang*** học.
4. Có chí thì ***nên***.
5. Anh ***nên***đi vào buổi sáng
6. Vì hoa ***nên*** phải đánh đường tìm hoa.
7. Em đừng khóc nữa ***mà***.
8. Anh nói ***vậy*** thì tôi sẽ đi.
9. Trời mưa thì chúng mình đành ở nhà ***vậy***.
10. Anh ***à*,** em muốn hỏi anh bài toán này.
11. Em nói vậy ***à*** ?
12. **Khốn nạn**! Nó bỏ đi rồi ***ư*** ?
13. ***Đích thị*** là nó chạy ra ngõ

Bài tập 2: Tìm và xác định ý nghĩa của trợ từ trong các câu sau:

a.  **Đích thị** là Lan được điểm 10 rồi

b. **Có thế** tôi mới tin mọi người.

c. Nó hát **những** mấy bài liền.

d. **Chính** các bạn đã giúp Lan học tốt.

e. Nó ăn mỗi bữa **chỉ** lưng bát cơm.

g. **Ngay cả** bạn thân, nó cũng ít tâm sự.

- Anh tôi toàn **những** lo là lo.

Bài tập 3: Giải tích nghĩa của các trợ từ in đậm trong các câu sau:

a. “Nhưng đời nào tình yêu thương và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến. Mặc dù non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi **lấy** một lá thư, nhẵn người thăm tôi **lấy** một lời và gửi cho tôi **lấy** một đồng quà.”

(Nguyên Hồng - Những ngày thơ ấu)

b. “Hai đưa mê nhau lắm. Bố mẹ đứa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách nặng quá: **nguyên** tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu, cả cưới nữa thì mất **đến** cứng hai trăm bạc?”

(Nam Cao - Lão Hạc)

c. “Tính ra cậu Vàng cậu ấy ăn khoẻ hơn **cả** tôi, ông giáo ạ!

(Nam Cao - Lão Hạc)

d. “Rồi **cứ** mỗi năm rằm tháng Tám

Tựa nhau trông xuống thế gian cười”

(Tản Đà - Muốn làm thằng Cuội)

Bài tập 4: Đặt 5 câu với 5 thán từ khác nhau?

Bài tập 5: Tìm trợ từ và thán từ trong đoạn trích sau: *“…Ốm dậy tôi về quê, hành lí vẻn vẹn chỉ có một cái vali đựng toàn những sách. Ôi những quyển sách rất nâng niu! Tôi đã nguyện giữ chúng suốt đời, để lưu lại những kỉ niệm một đời chăm chỉ, hăng hái và tin tưởng đầy những say mê và cao vọng…”*

Bài tập 6: Đặt câu với mỗi tình thái từ: *mà, đấy, thôi, vậy.*

Bài tập 7: Sử dụng tình thái từ nào hợp lí cho các câu sau:

1. Thầy giảng giùm em bài toán này được không?
2. Con thích chiếc áo này.
3. Hôm nay, mẹ lại về trễ quá chị .
4. Chị đã đạt được nguyện vọng rồi.

e. Em có học bài đi không!

Bài tập 8: Viết đoạn văn ngắn từ 8- 10 câu nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh Hồ Chí Minh trong bài thơ Tức cảnh Pác Bó . Trong đoạn văn có sử dụng 3 từ loại trên.

**\*** **Bài tập về nhà**

Bài tập 1:

Hai cách nói sau khác nhau ở điểm nào? Vì sao lại có sự khác nhau đó?

* Em chào cô!
* Em chào cô ạ!

Bài tập 2:

Viết 1 đoạn văn khoảng 8 câu diễn tả cảm xúc vui mừng khi gắp lại người thân sau một chuyến đi chơi xa. Trong đoạn có thán từ.

**GỢI Ý PHIẾU BÀI TẬP TIẾT 5+6**

Bài tập 1:

a. (lượng từ, trợ từ)

1. (qht ,trợ từ )
2. (trợ từ )
3. ( phó từ )
4. ( danh từ )
5. ( tình thái từ )
6. ( qht )
7. ( tình thái từ )
8. (đại từ )
9. (tình thái từ thái độ miễn cưỡng )
10. (thán từ )
11. ( thán từ )
12. **(**thán từ ,tình thái từ )
13. ( trợ từ )

Bài tập 2:

a. Khẳng định

b. Khẳng định

c. Nhiều

d. Khẳng định

e. ít

g. Khẳng định, nhiều

Bài tập 3:

a. - “lấy”: Nhấn mạnh vào khả năng tối thiểu theo yêu cầu của người khác

b. - “nguyên” nhấn mạnh vào sự trọn vẹn của riêng một phần nào đó.

- “đến”: nhấn mạnh về một sự việc mà người khác không muốn.

c. - “cả”: Nhấn mạnh khẳng định sự việc mang tính bất thường.

d. - “cứ”: Nhấn mạnh khẳng định một sự việc cứ lặp đi lặp lại liên tục, không phụ thuộc vào yếu tố nào khác.

Bài tập 4:

HS suy nghĩ và lên bảng trình bày (2 em)

Ví dụ:

a. **Ồ**! Cái áo của bạn đẹp quá!

b. **Eo ơi**, con rắn đang cuộn tròn trên cây kìa!

c. **Ơ**, bạn không đi học à!

d. **Này**, bạn giải hộ mình.

Bài tập 6:

a. “mà”: - Tôi đã nói với bạn rồi mà !

Lưu ý: Cần phân biệt với quan hệ từ Mà

b. “đấy”: - Thầy cô dạy chúng ta như vậy là đúng đấy!

Lưu ý: Cần phân biệt với chỉ từ Đấy

c. “thôi”: - Bạn Lan chỉ nói với mình vậy thôi!

Lưu ý: Cần phân biệt với động từ Thôi

d. “vậy”: - Không ai làm thì tôi làm vậy!

Lưu ý: Cần phân biệt với đại từ Vậy.

Bài tập 7: Sử dụng tình thái từ nào hợp lí cho các câu sau:

1. Thầy giảng giùm em bài toán này được không ***ạ***?
2. Con thích chiếc áo này ***ạ*** .
3. Hôm nay, mẹ lại về trễ quá chị ***nhỉ***.
4. Chị đã đạt được nguyện vọng rồi ***đấy*** .

e. Em có học bài đi không ***nào***!

Bài tập 8: Viết đoạn văn

- Hình thức:

+ Độ dài: 8-10 câu

+ Tiếng Việt: trợ từ, thán từ, tình thái từ

- Nội dung:

+ 3 câu đầu: cuộc sống của Bác hiện lên khá đầy đủ: nếp sinh hoạt thường ngày, bữa ăn, công việc…Hình ảnh chân thực, Người không giấu sự thiếu thốn, gian khổ: cháo bẹ, rau măng, nơi làm việc là bán đá chông chênh mà thực chất là tảng đá bên bờ suối.

+ Giọng điệu thơ hóm hỉnh vui đùa.

→ Toát lên niềm vui, sự thoải mái, sảng khoái của một con người yêu cuộc sống giữa thiên nhiên và hướng về việc lớn: sự nghiệp cách mạng.

+ Câu thứ 4: khái quá những điều đã nói ở 3 câu trước. Cuộc đời các mạng là gian khổ “cháo bẹ rau măng” là khó khăn “bàn đá chông chênh” thế nhưng cuộc đời ấy “thật là sang”

→ Suy nghĩ sâu sắc về bản chất cuộc đời cống hiến hi sinh của người cách mạng. Cuộc sống của Bác hòa hợp với thiên nhiên, vui với công việc cách mạng- sang về tinh thần.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 7. ÔN TẬP VĂN THUYẾT MINH**

**I. Mục tiêu: Sau khi học xong, học sinh củng cố**

**1. Kiến thức.**

- Khái niệm văn bản thuyết minh.

- Các phương pháp thuyết minh.

- Yêu cầu cơ bản khi làm văn thuyết minh.

- Sự phong phú đa dạng về đối tượng cần giới thiệu trong văn bản thuyết minh.

**2. Kĩ năng.**

- Khái quát hệ thống những kiến thức đã học.

- Đọc – hiểu yêu cầu của đề bài văn thuyết minh

- Quan sát đối tượng cần thuyết minh.

- Lập dàn ý, viết đoạn văn và bài văn thuyết minh

**3. Thái độ.**

- Giáo dục ý thức tìm hiểu các đặc điểm, phương pháp viết kiểu văn bản TM

**4. Năng lực** : giải quyết vấn đề, tư duy logic, sử dụng ngôn ngữ…

**II. Các kĩ năng sống cơ bản được giáo dục trong bài**

1. Suy nghĩ sáng tạo: Thu thập, xử lí thông tin phục vụ cho việc tạo lập bài văn thuyết minh

2. Kĩ năng giao tiếp: Trình bày suy nghĩ, ý tưởng, trao đổi, thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm cá nhân về cách tạo lập bài văn thuyết minh

**\* Kĩ thuật dạy học tích cực có thể áp dụng**

**1. Phân tích các tình huống mẫu:** để phân biệt sự khác biệt của văn thuyết minh với các loại văn bản đã học.

**2. Thực hành viết tích cực:** Viết đoạn văn, bài văn thuyết minh theo yêu cầu cụ thể.

**3. Học theo nhóm**: thảo luận, trao đổi, phân tích để xác định đặc điểm, cách tạo lập bài văn thuyết minh

**III. Chuẩn bị**

1. - Giáo viên: - Giáo án, TLTK, SGK.

2. - Học sinh: Xem trước bài ở nhà.

3. - Phương pháp: - Phân tích ngôn ngữ, rèn luyện theo mẫu, Thảo luận…

- Phương pháp đàm thoại, tích hợp.

**IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra bài cũ**:

**3. Bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động**  **của HS** | **Kiến thức** |
| ***HĐ1: Hướng dẫn HS củng cố kiến thức cần nhớ***  ***? Thế nào là văn bản thuyết minh?***  ***? Hãy chỉ ra sự khác nhau giữa văn thuyết minh với các kiểu văn khác?***  **? Muốn làm tốt bài văn thuyết minh, người viết phải làm gì?** | - HS trả lời  - Nhận xét  - Ghi bài  - Hs thảo luận nhóm đôi  - Hs trả lời  - Nhận xét  - Ghi bài  - HS trả lời  - Nhận xét  - Ghi bài | ***I. Kiến thức cần nhớ***  **1. Khái niệm**  Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức về đặc điểm tính chất, nguyên nhân ... của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội.  **2. Phân biệt sự khác nhau giữa văn thuyết minh với các kiểu văn khác**   |  |  | | --- | --- | | **Loại văn bản** | **Đặc điểm, tính chất** | | **Văn bản thuyết minh** | Tri thức chính xác, khách quan về sự vật, hiện tượng | | **Văn bản tự sự** | Kể lại sự việc, nhân vật theo một trình tự | | **Văn bản miêu tả** | Tái hiện đặc điểm cụ thể về con người, sự vật | | **Văn bản biểu cảm** | Biểu đạt tình cảm, cảm xúc của con người | | **Văn bản nghị luận** | Tình bày ý kiến, luận điểm |   **3. Muốn làm tốt bài văn thuyết minh, người viết phải :**  - Quan sát,tìm hiểu,tích lũy tri thức về sự vật,hiện tượng cần thuyết minh.  - Nắm bắt bản chất đặc trưng của sự vật, hiện tượng cần thuyết minh |
| **? Kể tên các phương pháp thuyết minh?** | - HS trả lời  - Nhận xét  - Ghi bài | **4. Phương pháp thuyết minh**  - Nêu định nghĩa, giải thích  - Liệt kê  - Nêu VD  - Số liệu (con số)  - So sánh  - Phân tích, phân loại |
| **? Hãy lập dàn ý đối với các đề bài sau:**  - Giới thiệu một đồ dùng  - Giới thiệu một danh lam thắng cảnh  - Giới thiệu một thể loại văn học  - Giới thiệu một phương pháp (làm đồ dùng học tập, thí nghiệm**)** | - HS thảo luận nhóm lớn  - Đại diện nhóm trả lời  - Nhận xét  - Ghi bài | **5. Bố cục của bài thuyết minh**  **\* Giới thiệu một đồ dùng**  a. Mở bài: Giới thiệu đồ dùng một cách chung nhất.  b. Thân bài:  - Giới thiệu về hình dáng, chất liệu, kích thước, màu sắc, cấu tạo, cách sử dụng, công dụng.  - Những điều cần lưu ý khi lựa chọn để mua, khi sử dụng.  c. Kết bài: Giá trị của đồ dùng đối với cuộc sống.  **\* Giới thiệu một danh lam thắng cảnh:**  a. Mở bài: Giới thiệu chung về thắng cảnh.  b. Thân bài: Giới thiệu vị trí địa lí, quá trình hình thành và phát triển ...  - Cấu trúc, quy mô, từng khối, từng mặt, từng phần ...  - Sơ lược sự tích, hiện vật trưng bày, ...  - Phong tục, lễ hội ...  c. Kết bài: ý nghĩa lịch sử, văn hóa xã hội của thắng cảnh.  **\* Giới thiệu một thể loại văn học**  a. Mở bài: Nêu định nghĩa chung về thể loại đó.  b. Thân bài: Nêu các đặc điểm của thể loại đó (có ví dụ kèm theo minh họa)  c. Kết bài: Cảm nhận của em về vẻ đẹp của thể loại văn học đó.  **\* Giới thiệu một phương pháp (làm đồ dùng học tập, thí nghiệm)**  a. Mở bài: Giới thiệu tên đồ dùng.  b. Thân bài:  - Nguyên vật liệu.  - Cách làm.  - Yêu cầu thành phẩm.  c. Kết bài: Những điều cần lưu ý trong quá trình tiến hành |
|  |  |  |
| ***HĐ2: Hướng dẫn HS luyện tập (15 phút)***  ***Hs làm bài tập 1; bài tập 2(ý a, b)***  ***Bài tập 1*:**  *Cho phần văn bản sau:*  “Cách hang Trống 2 km về phía Tây Bắc là hang Sửng Sốt trên đảo Bồ Hòn. Hang có hai ngăn. Ngăn ngoài vuông vức, vách dựng đứng phẳng lì. Trần và nền hang phẳng, nhẫn như láng xi 'măng. Toàn hang màu xanh cẩm thạch, loáng thoáng điểm những vân dọc hồng nhạt. Ngăn trong hình hàm ếch, có năm khối đá giống hình năm ông tượng ở năm tư thế khác nhau. Giữa lòng hang một khối thạch nhũ trắng toát vươn lên uy nghi, mang dáng một vị tướng đời xưa khoác áo hoàng bào, ngồi trên lưng ngựa. Dưới ánh sáng mờ ảo, bàng bạc hơi nước, các mảng đá, trụ đá trong hang giống hình người, súc vật, dường như sống dậy, đang cử động, khiến cho du khách bàng hoàng sửng sốt.  (Theo Hòn nước Hạ Long, trong Almanach Những nền văn minh thế giới)  *a. Hãy nhận xét về thứ tự sắp xếp ý trong đoạn văn.*  *b. Có thể đảo trật tự các câu trong đoạn văn được không ? Vỉ sao ?* | - Thảo luận bàn  - Hs trả lời  - Nhận xét  - Ghi bài | ***II. Luyện tập***  ***Bài tập 1***  a. Căn cứ nội dung của đoạn văn và các từ đóng vai trò chủ ngữ của các câu văn trong đoạn,thứ tự sắp xếp ý trong đoạn văn: ngăn ngoài, trần và nền, toàn hang, ngăn trong, giữa lòng hang,  b. Căn cứ vào trình tự các ý trong lời thuyết minh, giới thiệu về hang Sửng Sốt, em sẽ thấy được tính lô-gíc của việc sắp xếp ý. Nếu đảo trật tự các câu trong đoạn thì đương nhiên tính lô-gíc ấy sẽ bị phá vỡ. Do vậy không thể đảo trật tự các câu trong đoạn văn. |
| ***Bài tập 2*:**  Hãy thuyết minh cách làm đồ chơi dân gian (đèn ông sao)  a. Tìm hiểu đề  b. Lập dàn ý  c. Viết đoạn mở bài | - HS làm bài  - Trình bày  - Nhận xét  - Chữa bài | ***Bài tập 2*:**  **a.Tìm hiểu đề:**  - Kiểu bài: Thuyết minh cách làm đồ chơi.  - Đối tượng: Đèn ông sao.  **b. Lập dàn ý**  ***\* Mở bài:***  Giới thiệu làm đồ chơi : chiếc đèn ông sao.  ***\* Thân bài:***  - Nguyên vật liệu :  Chuẩn bị :  + 10 thanh tre hoặc trúc có chiều dài bằng nhau, dày từ 5mm đến 1cm được vót nhẵn.  + 5 que tre (trúc) dài từ 8cm đến 10cm , tùy đèn to hay nhỏ, dày độ 5mm.  + Giấy bóng màu  + Dây để buộc.  - Cách làm (cách thực hiện):  *+ Làm khung* Lấy 10 thanh tre có chiều dài bằng nhau, buộc 5 thanh vào nhau thành hình sao 5 cánh, như vậy được 1 đôi hình sao 5 cánh.  Lưu ý: trước khi buộc, vót mỏng hai đầu tiếp giáp nhau của 2 thanh tre và buộc ít vòng dây để sau còn buộc tiếp.  Ráp 2 hình sát lại với nhau và buộc chặt ở 5 đầu cánh sao.  Lấy que tre ngắn gắn ở 5 gốc của cánh sao, ta sẽ được khung của đèn.  *+ Dán giấy vào khung*  Cắt giấy bóng theo đúng hình tam giác các cánh ngôi sao và hình ngũ giác ở giữa.  Dán giấy lên đèn, chừa khoảng phía dưới cho nến vào và khoảng phía trên để làm chỗ thông hơi.  ***\* Kết bài:*** lời nhận xét :  - Làm đồ chơi là 1 trong những hoạt động kĩ thuật trong nhà trường giúp các em hs tính khéo léo, sáng tạo và mang lại niềm vui lao động. |
|  |  |  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 8.ÔN TẬP VĂN THUYẾT MINH**

**I. Mục tiêu: Sau khi học xong, học sinh củng cố**

**1. Kiến thức.** Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

**2. Kĩ năng**

- Đọc – hiểu yêu cầu của đề bài văn thuyết minh

- Quan sát, đối tượng cần thuyết minh.

- Lập dàn ý, viết đoạn văn và bài văn thuyết minh

**3. Thái độ.**

- Giáo dục ý thức tìm hiểu các đặc điểm, phương pháp viết kiểu văn bản TM

**4. Năng lực** : giải quyết vấn đề, tư duy logic, sử dụng ngôn ngữ…

**II. Các kĩ năng sống cơ bản được giáo dục trong bài**

1. Suy nghĩ sáng tạo: Thu thập, xử lí thông tin phục vụ cho việc tạo lập bài văn thuyết minh

2. Kĩ năng giao tiếp: Trình bày suy nghĩ, ý tưởng, trao đổi, thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm cá nhân về cách tạo lập bài văn thuyết minh

**\* Kĩ thuật dạy học tích cực có thể áp dụng**

**1. Phân tích các tình huống mẫu:** để phân biệt sự khác biệt của văn thuyết minh với các loại văn bản đã học.

**2. Thực hành viết tích cực:** Viết đoạn văn, bài văn thuyết minh theo yêu cầu cụ thể.

**3. Học theo nhóm**: thảo luận, trao đổi, phân tích để xác định đặc điểm, cách tạo lập bài văn thuyết minh

**III. Chuẩn bị**

1. - Giáo viên: - Giáo án, TLTK, SGK.

2. - Học sinh: Xem trước bài ở nhà.

3. - Phương pháp: - Phân tích ngôn ngữ, rèn luyện theo mẫu, Thảo luận…

- Phương pháp đàm thoại, tích hợp.

**IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra bài cũ**:

**3. Bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động**  **của HS** | **Kiến thức** |
| ***HĐ: Hướng dẫn HS luyện tập (tiếp)***  ***Hs làm bài tập 2(ý c)***  ***Bài tập 3*:**  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:  (1) Hà Nội có nhiều danh lam thắng cảnh. (2) Tuy nhiên nếu bạn là khách phương xa đến thăm Hà Nội thì bạn nên dành thời gian đến thăm chùa Một Cột. (3) Chùa nằm ở trung tâm quận Ba Đình, phía bên phải lăng Bác, trên một con phố nhỏ cùng tên: phố Chùa Một Cột.  (4) Xét về tổng thể, chùa như mooth bông sen mọc lên trong lòng một cái hồ nhỏ. (5)Ngay chính giữa lòng hồ, người ta xây một trụ đá lớn, đường kình 1,2 m nhô lên cao khỏi mặt nước 4m. (6)Ở trên khối đá lớn này là hệ thống các thanh giằng, xà đỡ chắc chắn cho một mặt bằng hình vuông mỗi chiều dài 3 m. (7) Trên là một tòa lầu nhỏ, kiến trúc cổ mái cong. (8) Ở trong tòa lầu, người ta thờ Phật Bà Quan Âm. (9)Để vào được chùa phải đi ngang qua một chiếc cầu thang bằng đá xây từ mép hồ. (10)Trên cửa có đề ba chữ “Liên Hoa đài”. (11) Đây là tên đúng của chùa. (12)Tuy vậy, chúng ta thường gọi đó là chùa Một Cột – đơn giản và thân thuộc.  (13)Nguồn gốc ra đời của chùa Một Cột rất thú vị. (14) Tương truyền rằng vua Lí Thái Tông nằm mơ thấy Phật Quan Âm ngự trên tòa sen nghìn cánh. (15) Nhà vua được Phật Bà dắt tay lên đài sen đứng cạnh mình. (16) Vua đem giấc mộng kể lại cho các quan. (17) Bá quan trong triều đều cho đấy là điềm lành và xin xây dựng một ngôi chùa thờ Quan Thế Âm. (18) Vì vậy, năm 1049 chùa được xây dựng với kiến trúc đồ sộ, gọi là chùa Diên Hựu. (19) Chùa được xây dựng trong một hồ nước có tên là hồ Linh Chiều. (20) Ở giữa, nhà vua cho xây một trụ đá lớn. (21) Phía trên xây đá tượng trưng cho đài sen nghìn cánh. (22) Trên đó dặt một lầu cao, bên trong có tượng Phật Bà bằng đá quý. (23) Vòng quanh hồ là dãy hành lang. (24) Lại đào ao Bích Trì, mỗi bên đầu có cầu vồng bắc để đi qua. (25) Tất cả hợp thành một quần thể kiến trúc thật quy mô, đồ sộ.  (26) Trải qua thời gian, chùa giờ không còn tồn tại nữa. (27) Năm 1954, trước khi rút khỏi Hà Nội, Pháp ra lệnh nổ mìn phá hủy chùa. (28) Khi vào tiếp quản Thủ đô, chính quyền đã cho xây dựng lại chùa với quy mô nhỏ hơn, mô phỏng hình ảnh chùa cũ. (29) Đến tháng 4 năm 1955, việc xây dựng được hoàn tất. (30) Trong chùa có trồng một cây bồ đề mà Tổng thống Ấn Độ Pra-xát tặng Chủ tịch Hồ Chí Minh. (31) Cả hai vị nguyên thủ đã cùng trồng cây bồ đề này. (32) Đến nay, nó đã trở thành một cây đại thụ, tán lá vươn rộng che rợp cả khu vườn.  (33) Tuy chỉ là mô hình thu nhỏ nhưng chùa Một Cột trở thành hình ảnh in sâu vào tâm linh mỗi người dân Hà Nội. (34) Đây cũng là một di tích lịch sử có một không hai trên đất nước. (35) Ngay từ năm 1962, chùa đã được Bộ Văn hóa xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc.  a. Ngôi chùa được thuyết minh theo những trình tự nào? Nêu rõ cùng với số câu tương ứng?  b. Các câu từ câu (13) đến (17) có thuộc văn bản tự sự không? Vì sao?  c. Yếu tố biểu cảm xuất hiện ở phần nào của văn bản? Có hợp lí và cần thiết không?  d. Phần mở bài và kết bài có quan hệ như thế nào?  e. Văn bản đã huy động những nguồn kiến thức nào để giới thiệu và chùa Một Cột? Chỉ rõ câu có liên quan. | - Hs viết đoạn  - Hs đọc  - Nhận xét  - Hs thảo luận nhóm đôi  - Nhận xét  - Ghi bài | **Bài tập 2**  **c. Viết đoạn:**  Chiếc đèn ông sao đã có ở Việt Nam từ rất lâu đời, có thể nó được lấy cảm hứng từ những cánh đồng lúa nước ở nơi đây. Chiếc đèn ông sao phổ biến ở khắp ba miền Bắc, Trung, Nam của Việt Nam vào dịp Tết trung thu. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam có trưng bày, giới thiệu và hướng dẫn trò chơi này  ***Bài tập 3*:**  a. Ngôi chùa được thuyết minh theo hai trình tự:  - Trình tự không gian: từ dưới lên trên, từ chính giữa mở rộng ra xung quanh. (Từ câu 4 đến câu 10, từ câu 19 đến câu 25)  - Trình tự thời gian: từ thời nhà Lí đến ngày nay (Từ câu 18 đến câu 32)  b. Từ câu 13 đến câu 17 không thuộc kiểm văn bản tự sự. Vì nó không nhằm kể chuyện mà nhằm cung cấp tri thức về nguồn gốc của chùa, đồng thời giải thích đặc điểm cấu tạo của chùa: có thờ Phật Bà Quan Âm, có những kiến trúc bằng đá trông giống đài sen…  c. Yếu tố biểu cảm xuất hiện chủ yếu ở phần kết bài. Sự xuất hiện của yếu tố này là cần thiết. Đây là thuyết minh về danh lam thắng cảnh – thuyết monh về cái đẹp trên quê hương đất nước nên cho phép bộc lộ tình cảm, sự rung động của người thuyết minh ở mức độ nhất định. Điều này khiến cho văn bản thuyết minh thêm hấp dẫn.  d. Phần mở bài giới thiệu về chùa Một Cột. Phần kết bài vừa là tổng hợp của phần thân bài vừa ngầm giải thích lí do vì sao ở phần mở bài lại khuyên người ta đến thăm chùa.  - Bài thuyết minh vì thế có sự hô ứng, tạo ra sự liền mạch và mối quan hệ chặt chẽ giữa các phần trong bài.  e. Các kiến thức được sử dụng trong bài viết:  - Truyền thuyết dân gian: từ câu 13 đến câu 17  - Kiến thức lịch sử: câu 18, từ câu 27 đến 31  - Kiến thức về kiến trúc: từ câu 4 đến câu 10, từ câu 19 đến câu 25. |
| ***Bài tập 4***  Lập dàn ý phần Thân bài cho hai đề văn sau:  Đề 1: Miêu tả ngôi trường của em.  Đề 2: Giới thiệu về ngôi trường (hoặc thành phố hay khu phố) của em.  Từ đó rút ra sự khác nhau giữa miêu tả một địa danh và giới thiệu một địa danh. | - HS làm bài cá nhân | ***Bài tập 4***  **\* Dàn ý Thân bài bài văn miêu tả:**  - Tả cổng trường  - Tả sân trường với rất nhiều cây xanh bóng mát.  - Các toà nhà chính: dãy nhà hiệu bộ, các dãy phòng học  - Vườn trường và khu thể dục.  **\* Dàn ý Thân bài bải văn thuyết minh:**  - Tên trường, ngày thành lập, vị trí, diện tích của trường.  - Lịch sử phát triển của ngôi trường  - Các khu vưc của trường  - Số lượng học sinh, các khối lớp  - Số lượng giáo viên  - Các thành tích của trường qua các năm trong đào tạo và thi đua.  ***\* Từ đó ta thấy sự khác nhau:***  **- Về nội dung :**  + Tả một địa danh lả làm cho cảnh quan nơi đó như hiện ra trước mắt người đọc, truyền tình cảm của em đến người đọc về vẻ độc đáo của nơi đó.  + Còn giới thiệu về một địa danh thì phải làm cho người đọc hiểu biết về vị trí, lai lịch, quy mô cơ sở vật chất, thành tích trong mọi hoạt động, và những giá trị khác của nơi đó.  **- Về bố cục :**  + Bài tả cảnh có thể theo trình tự cảnh từ ngoài vào trong. Tập trung tả cảnh nào em yêu thích nhất (có nhiều kỉ niệm hoặc hấp dẫn nhất).  + Còn bài thuyết minh thì bố cục theo trình tư các bộ phận cấu thành và các phương diện hoạt động của nơi đó. |
|  |  |  |

**4. Dặn dò, hướng dẫn bài tập về nhà (2 Phút)**

***BTVN.***

***Bài tập 5*** .Chọn một danh lam thắng cảnh ở quê em: quan sát, tra cứu, ghi chép lại những gì đã biết để trình bày.

***Gợi ý***

- Mở bài thuyết minh thắng cảnh thường ***giới thiệu tên và vị trí địa lí*** của thắng cảnh đó.

- Đôi khi ***giới thiệu xen tả cảnh***.

- Kết bài thường là ***sự đánh giá tổng quát giá trị văn hoá của di tích***.

- Đôi khi có ***kết hợp cảm nghĩ***.

***Bài tập 6***. Cho câu đố sau:

“Bốn chân trông giống cột đình

Vòi dài, tai lớn, dáng hình oai phong

Lúc ra trận, khi xiếc rong

Thồ hàng, kéo gỗ đều không quản gì?”

a. Là con gì?

b. Dựa vào câu đố, viết đoạn văn thuyết minh ngắn khoảng 5 câu giới thiệu con vật vừa đoán được.

**TRƯỜNG THCS XUÂN ĐỈNH PHIẾU BÀI TẬP BỔ TRỢ**

**Họ và tên:** ............................... **Lớp 8**… **Môn: Ngữ Văn 8**

**TIẾT 7+8. ÔN TẬP VĂN THUYẾT MINH**

|  |
| --- |
| ***Bài tập 1*:** *Cho phần văn bản sau:*  “Cách hang Trống 2 km về phía Tây Bắc là hang Sửng Sốt trên đảo Bồ Hòn. Hang có hai ngăn. Ngăn ngoài vuông vức, vách dựng đứng phẳng lì. Trần và nền hang phẳng, nhẫn như láng xi 'măng. Toàn hang màu xanh cẩm thạch, loáng thoáng điểm những vân dọc hồng nhạt. Ngăn trong hình hàm ếch, có năm khối đá giống hình năm ông tượng ở năm tư thế khác nhau. Giữa lòng hang một khối thạch nhũ trắng toát vươn lên uy nghi, mang dáng một vị tướng đời xưa khoác áo hoàng bào, ngồi trên lưng ngựa. Dưới ánh sáng mờ ảo, bàng bạc hơi nước, các mảng đá, trụ đá trong hang giống hình người, súc vật, dường như sống dậy, đang cử động, khiến cho du khách bàng hoàng sửng sốt.  (Theo Hòn nước Hạ Long, trong Almanach Những nền văn minh thế giới)  *a. Hãy nhận xét về thứ tự sắp xếp ý trong đoạn văn.*  *b. Có thể đảo trật tự các câu trong đoạn văn được không ? Vỉ sao ?* |
| ***Bài tập 2*:**  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:  (1) Hà Nội có nhiều danh lam thắng cảnh. (2) Tuy nhiên nếu bạn là khách phương xa đến thăm Hà Nội thì bạn nên dành thời gian đến thăm chùa Một Cột. (3) Chùa nằm ở trung tâm quận Ba Đình, phía bên phải lăng Bác, trên một con phố nhỏ cùng tên: phố Chùa Một Cột.  (4) Xét về tổng thể, chùa như một bông sen mọc lên trong lòng một cái hồ nhỏ. (5)Ngay chính giữa lòng hồ, người ta xây một trụ đá lớn, đường kình 1,2 m nhô lên cao khỏi mặt nước 4m. (6)Ở trên khối đá lớn này là hệ thống các thanh giằng, xà đỡ chắc chắn cho một mặt bằng hình vuông mỗi chiều dài 3 m. (7) Trên là một tòa lầu nhỏ, kiến trúc cổ mái cong. (8) Ở trong tòa lầu, người ta thờ Phật Bà Quan Âm. (9)Để vào được chùa phải đi ngang qua một chiếc cầu thang bằng đá xây từ mép hồ. (10)Trên cửa có đề ba chữ “Liên Hoa đài”. (11) Đây là tên đúng của chùa. (12)Tuy vậy, chúng ta thường gọi đó là chùa Một Cột – đơn giản và thân thuộc.  (13)Nguồn gốc ra đời của chùa Một Cột rất thú vị. (14) Tương truyền rằng vua Lí Thái Tông nằm mơ thấy Phật Quan Âm ngự trên tòa sen nghìn cánh. (15) Nhà vua được Phật Bà dắt tay lên đài sen đứng cạnh mình. (16) Vua đem giấc mộng kể lại cho các quan. (17) Bá quan trong triều đều cho đấy là điềm lành và xin xây dựng một ngôi chùa thờ Quan Thế Âm. (18) Vì vậy, năm 1049 chùa được xây dựng với kiến trúc đồ sộ, gọi là chùa Diên Hựu. (19) Chùa được xây dựng trong một hồ nước có tên là hồ Linh Chiều. (20) Ở giữa, nhà vua cho xây một trụ đá lớn. (21) Phía trên xây đá tượng trưng cho đài sen nghìn cánh. (22) Trên đó dặt một lầu cao, bên trong có tượng Phật Bà bằng đá quý. (23) Vòng quanh hồ là dãy hành lang. (24) Lại đào ao Bích Trì, mỗi bên đầu có cầu vồng bắc để đi qua. (25) Tất cả hợp thành một quần thể kiến trúc thật quy mô, đồ sộ.  (26) Trải qua thời gian, chùa giờ không còn tồn tại nữa. (27) Năm 1954, trước khi rút khỏi Hà Nội, Pháp ra lệnh nổ mìn phá hủy chùa. (28) Khi vào tiếp quản Thủ đô, chính quyền đã cho xây dựng lại chùa với quy mô nhỏ hơn, mô phỏng hình ảnh chùa cũ. (29) Đến tháng 4 năm 1955, việc xây dựng được hoàn tất. (30) Trong chùa có trồng một cây bồ đề mà Tổng thống Ấn Độ Pra-xát tặng Chủ tịch Hồ Chí Minh. (31) Cả hai vị nguyên thủ đã cùng trồng cây bồ đề này. (32) Đến nay, nó đã trở thành một cây đại thụ, tán lá vươn rộng che rợp cả khu vườn.  (33) Tuy chỉ là mô hình thu nhỏ nhưng chùa Một Cột trở thành hình ảnh in sâu vào tâm linh mỗi người dân Hà Nội. (34) Đây cũng là một di tích lịch sử có một không hai trên đất nước. (35) Ngay từ năm 1962, chùa đã được Bộ Văn hóa xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc.  a. Ngôi chùa được thuyết minh theo những trình tự nào? Nêu rõ cùng với số câu tương ứng?  b. Các câu từ câu (13) đến (17) có thuộc văn bản tự sự không? Vì sao?  c. Yếu tố biểu cảm xuất hiện ở phần nào của văn bản? Có hợp lí và cần thiết không?  d. Phần mở bài và kết bài có quan hệ như thế nào?  e. Văn bản đã huy động những nguồn kiến thức nào để giới thiệu và chùa Một Cột? Chỉ rõ câu có liên quan. |
| ***Bài tập 4***  Lập dàn ý phần Thân bài cho hai đề văn sau:  Đề 1: Miêu tả ngôi trường của em.  Đề 2: Giới thiệu về ngôi trường (hoặc thành phố hay khu phố) của em.  Từ đó rút ra sự khác nhau giữa miêu tả một địa danh và giới thiệu một địa danh |

***BTVN. Bài tập 5*** Chọn một danh lam thắng cảnh ở quê em: quan sát, tra cứu, ghi chép lại những gì đã biết để trình bày

***Bài tập 6***. Cho câu đố sau:

“Bốn chân trông giống cột đình

Vòi dài, tai lớn, dáng hình oai phong

Lúc ra trận, khi xiếc rong

Thồ hàng, kéo gỗ đều không quản gì?”

a. Là con gì?

b. Dựa vào câu đố, viết đoạn văn thuyết minh ngắn khoảng 5 câu giới thiệu con vật vừa đoán được.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 9. ÔN TẬP VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. Mục tiêu: Sau khi học xong, học sinh có thể đạt được**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được thế nào là văn nghị luận, luận điểm, luận cứ, lập luận

- Phân biệt được đoạn văn nghị luận với đoạn văn khác

**2. Kĩ năng**:

- Làm thành thạo bài tập nhận biết đoạn văn nghị luận

- Thành thạo trong việc viết văn nghị luận

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc, tích cực ôn tập

- Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào làm bài văn thuyết minh

**4. Năng lực** : giải quyết vấn đề, tư duy logic, sử dụng ngôn ngữ…

**II. Chuẩn bị**

1. Giáo viên: Giáo án, TLTK, SGK, phiếu bài tập

2. Học sinh: Xem trước bài ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra bài cũ**: (trong quá trình ôn tập)

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| - GV nêu câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.  ? Em hiểu thế nào là luận điểm?  ? Luận điểm trong bài văn nghị luận phải như thế nào?  ? Khi trình bày luận điểm trong bài văn nghị luận cần chú ý những điều gì?  GV chốt lại kiến thức trọng tâm.  - GV hướng dẫn học sinh phần luyện tập: làm BT 1,2  - HS làm, nhận xét, GV chữa | **I. Lý thuyết**  **1. Khái niệm văn nghị luận:**  Văn nghị luận là đưa ra các lý lẽ dẫn chứng để bảo vệ hoặc làm sáng tỏ một quan điểm, tư tưởng (luận điểm) nào đó.  **2. Đặc điểm của văn nghị luận:**  Một bài văn nghị luận đều phải có luận điểm, luận cứ và lập luận. Trong một bài văn có thể có một luận điểm chính và các luận điểm phụ.  + Luận điểm: Là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài văn được nêu ra dưới hình thức câu khẳng định (hay phủ định), được diễn đạt sáng tỏ, dễ hiểu, nhất quán. Luận điểm là linh hồn của bài viết, nó thống nhất các đoạn văn thành một khối. Luận điểm phải đúng đắn, chân thật, đáp ứng nhu cầu thực tế thì mới có sức thuyết phục.  +Luận cứ: là lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm. Luận cứ phải chân thật, đúng đắn, tiêu biểu thì mới khiến cho luận điểm có sức thuyết phục.  + Lập luận: là cách nêu luận cứ để dẫn đến luận điểm. Lập luận phải chặt chẽ, hợp lí thì bài văn mới có sức thuyết phục.  3**. Các dạng bài NL**: có 2 kiểu (NLXH & NLVH)  - NLXH: là loại bài văn bàn bạc về 1 vấn đề XH: vấn đề về đạo đức, chính trị, giáo dục, tệ nạn xã hội…(d/c là người thật, việc thật và các sự kiện l/sử).  - NLVH: là NL về 1 số khái niệm, lí luận văn học, cảm thụ TPVH, nhận vật, số phận con người. tác giả tác phẩm…(d/c là thơ, văn).  **II. Luyện tập** |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 10. ÔN TẬP VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. Mục tiêu: Sau khi học xong, học sinh có thể đạt được**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được thế nào là văn nghị luận, luận điểm, luận cứ, lập luận

- Phân biệt được đoạn văn nghị luận với đoạn văn khác

**2. Kĩ năng**:

- Làm thành thạo bài tập nhận biết đoạn văn nghị luận

- Thành thạo trong việc viết văn nghị luận

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc, tích cực ôn tập

- Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào làm bài văn thuyết minh

**4. Năng lực** : giải quyết vấn đề, tư duy logic, sử dụng ngôn ngữ…

**II. Chuẩn bị**

1. Giáo viên: Giáo án, TLTK, SGK, phiếu bài tập

2. Học sinh: Xem trước bài ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra bài cũ**: (trong quá trình ôn tập)

**3. Bài mớ.** GV hướng dẫn HS làm tiếp các BT 3,4,5

**4. Củng cố, hướng dẫn về nhà**

- Nắm vững nội dung đã học

- Hoàn thành các bài tập và làm btvn.

**PHIẾU BÀI TẬP**

**ÔN TẬP VĂN NGHỊ LUẬN**

**Bài số 1. Cho đoạn văn sau:**

“*Nhân nghĩa* là đạo lí, là tình thương giữa con người với nhau. *Nhân nghĩa* là 1 khái niệm đạo đức của Nho gia. Chữ *nhân* vốn có nội dung rất rộng. Hạt nhân của chữ *nhân* là chỉ sự tương thân tương ái giữa con người với nhau. Chữ nhân của Nho gia thể hiện khuynh hướng trọng dân, nghĩa là đối với dân phải khoan dung, nhân ái. Nghĩa là hợp với lẽ phải, với đạo lí. Nghĩa theo tư tưởng tích cực của Nho gia là lấy lợi ích của nhân dân, của dân tộc làm gốc.”

1. Tìm luận điểm của đoạn văn?

2. Đoạn văn được trình bày theo cách nào?

3. Hãy chuyển thành đoạn quy nạp?

**Bài số 2.** Viết đoạn văn trình bày luận điểm sau: Học để ngày mai lập nghiệp.

**Bài tập 3:** Chứng minh rằng truyện kí Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945 đã diễn tả sâu sắc số phận đau thương bất hạnh của nhân dân ta đồng thời ca ngợi phẩm chất cao đẹp của họ.

**Bài tập 4**: Bài thơ “Ngắm trăng” và “Tức cảnh Pắc Bó đã cho chúng ta thấy vẻ đẹp tâm hồn của Hồ Chí Minh. Dựa vào hai bài thơ, em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

**Bài tập về nhà:** Chứng minh rằng “ Nước Đại Việt ta” của Nguyễn Trãi và “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn, “Chiếu dời đô” của Lí Công Uẩn chứa chan tình cảm yêu nước.

**GỢI Ý PHIẾU BÀI TẬP**

**ÔN TẬP VĂN NGHỊ LUẬN**

**Bài số 1. Cho đoạn văn sau:**

“*Nhân nghĩa* là đạo lí, là tình thương giữa con người với nhau. *Nhân nghĩa* là 1 khái niệm đạo đức của Nho gia. Chữ *nhân* vốn có nội dung rất rộng. Hạt nhân của chữ *nhân* là chỉ sự tương thân tương ái giữa con người với nhau. Chữ nhân của Nho gia thể hiện khuynh hướng trọng dân, nghĩa là đối với dân phải khoan dung, nhân ái. Nghĩa là hợp với lẽ phải, với đạo lí. Nghĩa theo tư tưởng tích cực của Nho gia là lấy lợi ích của nhân dân, của dân tộc làm gốc.”

1. Tìm luận điểm của đoạn văn?

- Nhân nghĩa là đạo lí, là tình thương giữa con người với nhau.

2. Đoạn văn được trình bày theo cách nào?

- Đoạn diễn dịch.

3. Hãy chuyển thành đoạn quy nạp?

- Gợi ý: Chuyển câu chủ đề xuống cuối đoạn.

**Bài số 2.** Viết đoạn văn trình bày luận điểm sau: Học để ngày mai lập nghiệp.

- Gợi ý: Tìm luận cứ: + Mục đích của việc học.

+ Để đạt được mục đích đó, cần học như thế nào?

**Bài tập 3:** Chứng minh rằng truyện kí Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945 đã diễn tả sâu sắc số phận đau thương bất hạnh của nhân dân ta đồng thời ca ngợi phẩm chất cao đẹp của họ.

Gợi ý:

Xác định 2 luận điểm phụ:

+ số phận đau thương bất hạnh của nhân dân ta

+ đồng thời ca ngợi phẩm chất cao đẹp của họ.

Tìm luận cứ làm rõ 2 luận điểm trên:

+ số phận đau thương bất hạnh của nhân dân ta :

* Chị Dậu: bán chó, bán con để lấy tiền nộp sưu cho chồng, cho chú em chồng chết từ năm ngoái….Quanh năm chăm chỉ làm lụng nhưng cái đói vẫn đeo đẳng:
* Lão Hạc đau đớn khi thấy con trai vì nghèo không lấy được vợ nên phải bỏ làng đi đồn điền cao su – cũng là đi vào chỗ cùng đường không lối thoát. Cuộc sống cô đơn nghèo túng, bế tắc, dằn vặt khiến lão quyết định tự vẫn bằng bả chó…
* Mẹ bé Hồng vì những cổ tục tai ác phải bỏ làng đi tha hương cầu thực, không muốn về quê, khiến bé Hồng cũng phải chịu cảnh sống thiếu tình thương của mẹ và sự ghẻ lạnh của họ hàng

+ đồng thời ca ngợi phẩm chất cao đẹp của họ.

* Chị Dậu: dịu dàng, yêu thương chồng con, đảm đang tháo vát, mạnh mẽ, kiên cường….
* Lão Hạc: giàu đức hi sinh, nhân hậu, trung thực…
* Bé Hồng:yêu mẹ tha thiết, thông minh, cứng cỏi…

**Bài tập 4**: Bài thơ “Ngắm trăng” và “Tức cảnh Pắc Bó đã cho chúng ta thấy vẻ đẹp tâm hồn của Hồ Chí Minh. Dựa vào hai bài thơ, em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

* Tình yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp tha thiết: trong hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn vẫn hướng lòng mình về với thiên nhiên, giao cảm với thiên nhiên. Người yêu thiên nhiên và thiên nhiên cũng yêu người, người và TN như đôi bạn tri kỉ….
* Phong thái ung dung lạc quan: Trong hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn, Người vẫn đùa vui hóm hỉnh, vẫn vui với thú lâm tuyền, vẫn thấy cuôc sống đủ đầy, cao sang. Trong ngục tù, không bận tâm tới tối tăm, lạnh lẽo, đói khát, tra tấn hành hạ, Người vẫn khát khao thưởng ngoạn vẻ đẹp vầng trăng…..
* Lòng yêu nước, tinh thần cách mạng: thấy được làm Cm, được sống có ý nghĩa cho đất nước là niềm vui thích

**Bài tậpvề nhà:** Chứng minh rằng “ Nước Đại Việt ta” của Nguyễn Trãi và “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn, “Chiếu dời đô” của Lí Công Uẩn chứa chan tình cảm yêu nước.

Xác định các luận cứ:

- Trong “Nam quốc sơn hà”: khẳng định vị thế dân tộc, chủ quyền đất nước, ý chí quyết tâm tiêu diệt kẻ thù…

- Hịch tướng sĩ: tố cáo tội ác của giặc, lòng căm thù giặc đến độ sẵn sàng hi sinh bản thân để diệt giặc…bày tỏ sự bất bình khi thấy thái độ, hành động bàng quan của tướng sĩ dưới quyền với vận mệnh đất nước

- Bình Ngô đại cáo: khẳng định văn hiến dân tộc, chủ quyền đất nước, phong tục tập quán, truyền thống ls vẻ vang

- Sự phát triển của lòng yêu nước qua ba tp ngày càng đc mở rộng, phong phú hơn: có sự tiếp nối và phát triển, đạt đến đỉnh cao trong BÌnh Ngô đại cáo

-Sự tiếp nối truyền thống yêu nước hiện tại….

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 11. ÔN TẬP VĂN BẢN LÃO HẠC (NAM CAO)**

**A. Mục tiêu cần đạt:** *Sau khi học xong bài này, học sinh có thể đạt được*

**1. Kiến thức:**

- Nêu được kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm.

- Cảm nhận được cuộc đời khổ đau và nhân cách cao quý của Lão Hạc, hiểu thêm về số phận đáng thương của người nông dân VN trước CM Tháng 8.

- Cảm nhận được tấm lòng nhân đạo sâu sắc của tác giả. Bước đầu chỉ ra được nghệ thuật đặc sắc của văn bản.

**2. Kĩ năng:**

- Phân tích nhân vật qua ngôn ngữ, hình dáng, cử chỉ và hành động.

- Phân tích theo đặc điểm thể loại truyện ngắn

**3. Thái độ:**

 - Bồi dưỡng lòng nhân, ái biết cảm thông, chia sẻ với cuộc đời những người nông dân nghèo trước cách mạng.

- Hứng thú, tích cực trong giờ học

**4. Năng lực:** Năng lực tự quản bản thân, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực thưởng thức và cảm thụ thẩm mĩ, năng lực tự học…

**B. Chuẩn bị :**

 GV: Soạn bài, Phiếu bài tập

 HS: Đọc cả truyện Lão Hạc

**C. Tiến trình dạy - học:**

1. Ổn định tổ chức lớp:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung bài học** |
| **- Thời gian: 30 phút**  **- Phương pháp:**  + Phát vấn.  + Động não  ? Giới thiệu vài nét về tác giả?  - Trình bày xuất xứ của tác phẩm?  - Đoạn trích được kể (chữ to) xoay quanh những sự việc chính nào? Dựa vào các sự việc đó hãy chia bố cục của VB?  GV: phát PBT  - HS: làm việc cá nhân, TLN, trình bày…  - GV: NX, đánh giá  Tiết 1: Làm BT 1,2,3,4.  Tiết 2: Làm BT 5,6,7,8. | **I. Kiến thức cơ bản**  **1. Tác giả**  - Tên thật: Trần Hữu Tri (1915- 1951)   * - Quê: làng Đại Hoàng- Lí Nhân – Hà Nam * - Là một trong những nhà văn hiện thực xuất sắc * - Chủ yếu viết về 2 đề tài: nông dân lao động và trí thức nghèo   **2. Tác phẩm**   * a. Xuất xứ * Đăng báo lần đầu năm 1943 * Là một trong những truyện ngắn xuất sắc về đề tài người ND của NC * b. Giá trị tác phẩm * \* Nghệ thuật: * Miêu tả tâm lí nhân vật và cách kể chuyện đặc sắc. * \* Nội dung: * - Thể hiện chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong Xh cũ và phấm chất cao quý tiềm tàng của họ. * - Tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân. * **II. Luyện tập** |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 11. ÔN TẬP VĂN BẢN LÃO HẠC (NAM CAO)**

**A. Mục tiêu cần đạt:** *Sau khi học xong bài này, học sinh có thể đạt được*

**1. Kiến thức:**

- Nêu được kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm.

- Cảm nhận được cuộc đời khổ đau và nhân cách cao quý của Lão Hạc, hiểu thêm về số phận đáng thương của người nông dân VN trước CM Tháng 8.

- Cảm nhận được tấm lòng nhân đạo sâu sắc của tác giả. Bước đầu chỉ ra được nghệ thuật đặc sắc của văn bản.

**2. Kĩ năng:**

- Phân tích nhân vật qua ngôn ngữ, hình dáng, cử chỉ và hành động.

- Phân tích theo đặc điểm thể loại truyện ngắn

**3. Thái độ:**

 - Bồi dưỡng lòng nhân, ái biết cảm thông, chia sẻ với cuộc đời những người nông dân nghèo trước cách mạng.

- Hứng thú, tích cực trong giờ học

**4. Năng lực:** Năng lực tự quản bản thân, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực thưởng thức và cảm thụ thẩm mĩ, năng lực tự học…

**B. Chuẩn bị :**

 GV: Soạn bài, Phiếu bài tập

 HS: Đọc cả truyện Lão Hạc

**C. Tiến trình dạy - học:**

1. Ổn định tổ chức lớp:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

**Luyện tập (tiếp)**

**PHIẾU BÀI TẬP TIẾT 11+12**

**ÔN TẬP: VĂN BẢN LÃO HẠC**

Bài tập 1: Truyện có mấy nhân vật? Ai là người đóng vai trò kể chuyện? Hiệu quả nghệ thuật của việc lựa chọn ngôi kể đó là gì?

Bài tập 2: Suy nghĩ của em về cách kết thúc của câu chuyện? Tại sao Lão Hạc phải chọn cái chết bi thảm là ăn bả chó? Nếu bỏ chi tiết đó thì giá trị của tác phẩm có bị giảm sút không? Vì sao?

Bài tập 3: Trong truyện ngắn Lão Hạc, Nam Cao đã 2 lần để nhân vật ông giáo triết lí về cuộc đời như sau:

- Lần thứ nhất: “Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn”

- Lần thứ hai: “Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác.”

a. Em hãy chỉ ra những chi tiết, sự việc nguyên cớ dẫn tới từng làn ông giáo triết lí như trên?

b. Hãy giải thích nội dung sâu xa của những lời triết lí ấy?

Bài tập 4: Phân tích tình cảm của lão Hạc đối với cậu Vàng. Thái độ của lão sau khi bán cậu Vàng cho ta hiểu thêm điều gì về nhân cách của lão?

Bài tập 5: Viết 1 đoạn văn ngắn theo cách diễn dịch khoảng 10-12 câu chứng minh rằng lão Hạc là một người cha rất mực yêu thương con. Trong đoạn văn có sử dụng 1 từ tượng hình. Gạch chân và chú thích

**\* Bài tập về nhà:**

Bài tập 1: Tình yêu thương con của lão Hạc được thể hiện như thế nào trong truyện ngắn cùng tên?

Bài tập 2: Suy nghĩ của em về cuộc đời và tính cách của người nông dân trong xã hội cũ qua 2 đoạn trích Tức nước vỡ bờ và Lão Hạc?

**GỢI Ý PHIẾU BÀI TẬP TIẾT 11+12**

Bài tập 1:

- Truyện có nhiều nhân vật: lão Hạc, ông giáo, cậu Vàng, Binh Tư và người con trai thấp thoáng trong lời kể của lão Hạc. Tuy nhiên nhân vật chính là lão Hạc và ông giáo.

- Trong truyện, nhân vật “tôi” (ông giáo) đóng vai trò người kể chuyện.

- Việc lự chọn ngôi kể hợp lí đã đem lại hiệu quả nghệ thuật lớn cho tác phẩm:

+ Ông giáo là người gần gũi, tin cậy của lão Hạc, chứng kiến toàn bộ cảnh đời của lão Hạc nên câu chuyện do “tôi” thuật lại có tính khách quan và chân thực.

+ Việc trần thuật từ ngôi thứ nhất khiến cho mạch kể linh hoạt, cốt truyện được dẫn dắt một cách tự nhiên, có thể linh hoạt dịch chuyển không gian, thời gian, có thể kết hợp giữa tự sự với miêu tả và biểu cảm.

+ Với việc lựa chọn ngôi kể như trên, nha văn có thể sử dụng nhiều loại giọng điệu khác nhau khiến cho câu chuyện diễn ra rự nhiên và sâu sắc.

+ Đặc biết, để cho ông giáo vừa dẫn chuyện, vừa đan xen bày tỏ suy nghĩ cảm xúc, thái độ về lão Hạc, về người vợ, về chính bản thân mình, tác giả đã tạo nên chất triết lí sâu sắc cho tác phẩm- một đặc điểm khá nổi bật trong sáng của nhà văn Nam Cao.

Bài tập 2:

- Cách kết thúc câu chuyện mang tính bi kịch. Tình cảnh đói khổ, túng quẫn đã đẩy lão Hạc đến cái chết như một hành động tự giải thoát. Qua đây, chúng ta thấy rõ hơn số phận bi kịch đáng thương của những người nông dân nghèo ở những năm đen tối trước CMT8.

- Việc lão Hạc tự chọn lấy cái chết để giữ trịn mảnh vườn cho con, cái chết tự nguyện của lão xuất phát từ lòng thương con âm thầm mà lớn lao, từ lòng tự trọng thật đáng kính.

- Song tại sao lão Hạc phải chọn cái chết bi thảm là ăn bả chó? Lão hoàn toàn có thể lựa chọn cái chết lặng lẽ hơn “êm dịu” hơn? Phải chăng ông lão nhân hậu, trung thực này chưa đánh lừa một ai. Lần đầu tiên trong đời lão phải lừa lại là lừa cậu Vàng- người bạn thân thiết của mình. Lão đã lừa cậu Vàng phải chết thì giờ đây lão cũng phải chết theo kiểu một con chó bị lừa! Dường như cách lựa chọn này có một ý muốn tự trừng phạt ghê gớm. Nó càng chứng tỏ đức tính trung thực, lòng tự trọng đáng quý ở lão Hạc. Cái chết này càng gây ấn tượng mạnh cho người đọc.

- Có thể nói đây là một chi tiết quan trọng góp phần tạo nên đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn. Nếu không có chi tiết này thì việc kết thúc truyện sẽ mất tính bất ngờ và không trở thành một sự kiện để ông giáo đưa ra những suy ngẫm của mình. Hơn nữa đó là cái chết khiến người đọc thêm xót xa trước thân phận của con người, kính trọng những nhân cách cao đẹp như lão Hạc.

Bài tập 3:

- Thoạt đầu, nhân vật “tôi” ngạc nhiên vì nghe Binh Tư nói: : Thật ra lão chỉ tâm ngẩm thế thoi, nhưng cũng ra phết: lão vừa xin tôi một ít bả chó…lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão…Lão định cho nó xơi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu”. Ông giáo ngỡ ngàng không ngờ một người có nhân cách như lão Hạc, một người nhân hậu, đáng kính như LH khi đến lúc cùng lại theo gót Binh Tư để có ăn. Bởi vậy ông giáo nghĩ “Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn”. +Nội dung sâu xa của câu nói là khi con người bị hoàn cảnh xô đẩy, dồn ép có thể trở nên tha hóa, mất hết nhân cách.

- Nhưng khi tận mắt chứng kiến cái chết đau đớn dữ dội của lão Hạc, vỡ lẽ việc lão hạc xin Binh Tư bả chó, ông giáo lại thay đổi suy nghĩ của mình: “Không! Cuộc đời chưa…”

+ Câu nói mang ý nghĩa triết lí và hàm ẩn ý nghĩa sâu sắc: “Cuooic đời chưa hẳn đã đáng buồn” bởi cuộc đời này vẫn còn một con ngườ cao quý như lão hạc, đã chọn cho mình cái chết cao quý, vì một mục đích cao quý và thiêng liêng. Song cuộc đời lại “đáng buồn theo một nghĩa khác” bởi lẽ tại sao những con người tốt như LH, nhân hậu như LH, giàu lòng tự trọng như LH lại phải chết? Tại sao ông lão đáng thương, đáng kính như vậy mà phải chịu chết đau đớn, dữ dội đến thế! Cuộc đời này có còn mảnh đất cho những người tốt sống nữa không? Số phận con người trong cái xã hội vô nhân đạo này thật bất công và đáng thương biết mấy.

Bài tập 4:

Thái độ yêu mến cậu Vàng của LH thể hiện qua các chi tiết:

+ Gọi con chó là cậu Vàng, coi câu Vàng như 1 đứa trẻ.

+ Chăm sóc cậu Vàng rất chu đáo: Tắm cho nó, cho nó ăn cơm trong một cái bát như nhà giàu.

+Trò chuyện với cậu Vàng, mắng yêu cậu…

- LH phải bán cậu Vàng vì lão không còn sự lựa chọn nào khác. Viecj bán cậu Vàng lão đã nhiều lần nói với ông giáo, điều đó chứng tỏ lão đã rất băn khoăn, đắn đo trước quyết định này. Bởi bán đi cậu Vàng là lão đã bán đi kỉ vật duy nhất của đứa con trai, bán đi niềm an ủi cuối cùng của cuộc đời lão.

- Sau khi bán cậu vàng, lão ân hận day dứt. lão đã tự kết tội mình là đã nỡ lừa dối một con chó. Tâm trạng day dứt đến khốn khổ ấy đã được nhà văn khắc họa qua thái độ, gương mặt, cử chỉ, giọng điệu của lão. Trong cuộc sống người ta có thể lừa nhau vì tiền, vì tình nhưng ân hận vì lừa dối 1 con chó LH đã cho ta thấy lão là một người có nhân cách ngay thẳng và cao đẹp

Bài tập 5:

- Hình thức:

+ Đoạn văn diễn dịch

+ Độ dài: 10-12 câu

+ KTTV: từ tượng hình

- Nội dung: Gợi ý

+ Lão Hạc là một người cha rất mực yêu thương con. Đồng cảm với nỗi phẫn chí của đứa con tội nghiệp, lão Hạc chấp nhận để con đi cao su. Làm như vậy, lão đã vì con mà ngậm ngùi chịu cảnh già cả, cô đơn, bệnh tật.

+ Ở một mình, lão dành rất nhiều yêu thương cho con chó Vàng: gọi nó là “cậu” Vàng, ăn gì cũng cho nó ăn cùng, đau khổ, khóc lóc khi trót lừa nó để bán... Lão yêu con chó Vàng đơn thuần vì lão rất yêu loài chó ư? Không, lão yêu nó phần lớn bởi đó là kỉ vật của con trai để lại.

+ Đặc biệt, cuối cùng lão Hạc đã chủ động tìm đến cái chết - một cái chết bi thương - cái chết bằng bả chó. Lão đã chấp nhận cái chết nghiệt ngã ấy để giữ lại cho con trai mảnh vườn đặng khi con về có vườn có đất làm ăn sinh sống.

→Chao ôi! Tình phụ tử ở lão Hạc thật khiến lòng ta cảm động.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 13. VĂN BẢN: KHI CON TU HÚ**

**(Tố Hữu)**

**I. Mục tiêu cần đạt:** *Sau khi học xong bài này, học sinh có thể đạt được*

**1. Kiến thức:**

- Nêu được KTCB của bài thơ về tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, giá trị nội dung, nghệ thuật…

- Cảm nhận lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày.

**2. Kĩ năng:**

- Đọc -hiểu văn bản

- Phân tích được những hình ảnh lãng mạn, bay bổng trong bài thơ.

**3. Thái độ:**

- Khâm phục, tự hào về tình yêu quê hương, đất nước của các chiến sĩ cách mạng. Từ đó có ý thức học tập và rèn luyện tốt để trở thành con ngoan, trò giỏi…

- Hứng thú, tích cực trong giờ học

**4. Năng lực**: tư duy logic, giải quyết vấn dề, sử dụng ngôn ngữ, thưởng thức văn chương, cảm thụ thẩm mỹ…

**B. Chuẩn bị:**

 GV: Soạn bài, Phiếu bài tập

 HS: Đọc cả truyện Lão Hạc

**C. Tiến trình dạy - học:**

1. Ổn định tổ chức lớp:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Giới thiệu những nét chính về tác giả Tố Hữu?    Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào?  Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ?  (Học sinh làm bài tập 1- Phiếu bài tập)  Giáo viên nhận xét, chữa… | **I. Kiến thức cơ bản**  1. Tác giả:  - Tố Hữu (1920-2002), tên thật là Nguyễn Kim Thành, quê gốc ở Thừa Thiên – Huế.  - Ông được giác ngộ cách mạng khi đang học ở trường Quốc học Huế.  - Tháng 4-1939, Tố Hữu bị thực dân Pháp bắt giam vào nhà lao Thừa Phủ (Huế), sau đó chuyển sang nhà tù Lao Bảo (Quảng TRị) và nhiều nhà tù ở Tây Nguyên.  - Tháng 3-1942, Tố Hữu vượt ngục tham gia lãnh đạo Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 ở Huế.  - Sau cách mạng, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng trong Đảng và chính quyền.  **2. Tác phẩm**  - HCST: Bài thơ được sáng tác trong nhà lao Thừ Phủ, khi tác giả bị bắt giam tại đây.  - Giá trị nội dung, nghệ thuật  “Khi con tu hú” của Tố Hữu là bài thơ lục bát giản dị, thiết tha, thể hiện sâu sắc lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày.  **II.Luyện tập** |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 14. VĂN BẢN: KHI CON TU HÚ**

**(Tố Hữu)**

**I. Mục tiêu cần đạt:** *Sau khi học xong bài này, học sinh có thể đạt được*

**1. Kiến thức:**

- Nêu được KTCB của bài thơ về tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, giá trị nội dung, nghệ thuật…

- Cảm nhận lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày.

**2. Kĩ năng:**

- Đọc -hiểu văn bản

- Phân tích được những hình ảnh lãng mạn, bay bổng trong bài thơ.

**3. Thái độ:**

- Khâm phục, tự hào về tình yêu quê hương, đất nước của các chiến sĩ cách mạng. Từ đó có ý thức học tập và rèn luyện tốt để trở thành con ngoan, trò giỏi…

- Hứng thú, tích cực trong giờ học

**4. Năng lực**: tư duy logic, giải quyết vấn dề, sử dụng ngôn ngữ, thưởng thức văn chương, cảm thụ thẩm mỹ…

**B. Chuẩn bị :**

 GV: Soạn bài, Phiếu bài tập

 HS: Đọc cả truyện Lão Hạc

**C. Tiến trình dạy - học:**

1. Ổn định tổ chức lớp:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

Luyện tập (tiếp)

**PHIẾU BÀI TẬP**

**TIẾT 13+14. ÔN TẬP VĂN BẢN “KHI CON TU HÚ”**

**Câu 1.**

Em cảm nhận và hiểu gì về nhan đề bài thơ? Hãy viết một câu mở đầu bằng 4 chữ của nhan đề để tóm tắt nội dung bài thơ:

**Câu 2**. Nêu cảm nhận của em về 6 câu thơ đầu bài thơ.

Gợi ý:

+ Xác định nội dung chính của 6 câu thơ đầu.

+ Nhận xét chung về bức tranh mùa hè chốn đồng quê

+ Xác định các tín hiệu nghệ thuật trong 6 câu thơ (từ ngữ, hình ảnh…)

+ Đánh giá về tâm hồn nhà thơ.

Viết thành đoạn văn diễn dịch hoặc quy nạp.

**Câu 3.** Cảm nhận của em về 4 câu thơ cuối:

Gợi ý: Tâm trạng đau khổ, uất ức vì bị giam cầm của nhà thơ được thể hiện ntn qua 4 câu thơ cuối? Các tín hiệu NT? Tác dụng, ý nghĩa?

**GỢI Ý GIẢI PHIẾU BÀI TẬP**

**Câu 1.**

\* Nhan đề: là một thành phần trạng ngữ, nêu thời điểm và được lặp lại ngay trong dòng thơ đầu tiên (Khi con…bầy), mở ra mạch cảm xúc của toàn bài.

\*Câu tóm tắt:

+ Khi con tu hú gọi bầy, người chiến sĩ CM hình dung ra một mùa hè tràn đầy sức sống và thấy thấm thía cái bức bối, ngột ngạt trong nhà tù.

+ Khi con tu hú gọi bầy là mùa hè đến, người tù cách mạng cảm thấy ngột ngạt trong phòng giam chật chội, khát khao cháy bỏng cuộc sống tự do ở bên ngoài.

+ Khi con tu hú gọi bầy, người tù CM với tâm hồn trẻ trung, vốn gắn bó với p/tr, đất nước, cuộc đời nay bị giam cầm cháy lên 1 nỗi nhớ khôn nguôi – nỗi nhớ, khát khao tự do cháy bỏng.

=>Tiếng tu hú lại tác động mạnh mẽ đến tâm hồn người tù CM trẻ tuổi

**Câu 2.** Nêu cảm nhận của em về 6 câu thơ đầu bài thơ.

Khi con tu hú gọi bầy là lúc mùa hè đến. Rất tự nhiên tiếng chim ấy đã làm sống dậy trong lòng người tù một bức tranh mùa hè chốn đồng quê:

“Khi con …từng không”

Dù chỉ là hiện lên trong tưởng tượng song đó là cả 1 TG tràn đầy sức sống với hình ảnh, âm thanh, hương vị, màu sắc cụ thể và sống động.Với những từ ngữ chỉ thời gian hiện tại đang tiếp diễn, đang vận động, kết hợp các tính từ chỉ màu sắc “đang chín, ngọt dần, dậy, ngân, vàng, càng, lộn nhào…”, một mùa hè sống động hiện lên rộn ràng âm thanh, rực rỡ sắc màu, ngọt ngào hương vị, khoáng đạt tự do tràn trề sức sống như đang mở ra, đang vang động lại gần. Người tù đang sống lại cái cảm giác giữa nóng bỏng mùa hè được nằm dưới bóng râm mát rượi nghe dậy tiếng ve ngân nga rộn rã. Tận mắt thấy bức tranh tuyệt đẹp với tầng thấp là màu vàng giòn của bắp, hồng tươi của nắng, trên cao là màu xanh trong thăm thẳm của vòm trời điểm xuyết “đôi con …không”. Hình ảnh cánh diều chao liệng, tiếng sao vi vu tự bao đời là nét đẹp chốn đồng quê thanh bình, yên ả. Cánh diều giữa bầu trời cao rộng phải chăng là tiếng gọi khát vọng tự do? Chỉ một âm thanh tiếng tu hú từ ngoài vọng vào, người tù đã hình dung ngay một mùa hè tươi đẹp tưng bừng sức sống, như đang nhìn, nghe, ngửi, nếm, sờ thấy mọi thứ của cảnh vật. Trí tưởng tượng lãng mạn trẻ trung bay bổng vượt qua 4 bức tường nhà giam bay ra với thế giới bên ngoài. Điều đó còn cho ta cảm nhận một tâm hồn nồng nàn yêu cuộc sống, tha thiết gắn bó với quê hương, khát khao tự do mãnh liệt.

**Câu 3.** Cảm nhận của em về 4 câu thơ cuối:

VD mẫu:

Bốn câu thơ lục bát, hai câu cảm thán trực tiếp diễn tả tâm trạng ngột ngạt, uất ức đến không thể chịu đựng nổi. Cách ngắt nhịp bất thường (6/2; 3/3) kết hợp với những từ ngữ mạnh (đập tan, ngột, chết uất), những từ ngữ cảm thán (ôi, làm sao, thôi) làm nổi bật cảm giác ngột ngạt cao độ, niềm khát khao cháy bỏng muốn thoát khỏi cảnh ngục tù để tìm về với cuộc sống tự do của thế giới bên ngoài. Chim tu hú cứ kêu, cứ gọi bầy, thúc giục càng làm người tù đau khổ, thấm thía. Niềm khát khao tự do cũng đang lên tiếng gọi, thôi thúc người tù vượt thoát khỏi chốn ngục tù, trở về với cuộc đời hoạt động sôi nổi, tự do.

**Ngày soạn:…………**

**Ngày dạy:………….**

**LUYỆN ĐỀ VĂN NGHỊ LUẬN**

**A. Mục tiêu bài học.**

1. **Kiến thức trọng tâm**

* Kiến thức đại trà:

+ Củng cố kiến thức và kĩ năng làm văn nghị luận: nghị luận 1 vấn đề

+ Luyện làm văn NL qua 1 số đề giải thích, CM về sự việc, hiện tượng đời sống gần gũi.

* Kiến thức mở rộng, nâng cao: Làm đề dạng chuyên đề (NL văn chương, NL xã hội).

1. **Kĩ năng:**

* Rèn kĩ năng viết văn NL theo hệ thống luận điểm
* Rèn kĩ năng cảm nhận văn chương nhằm phát triển tư duy và tăng vốn kiến thức văn học cho học sinh

**B. Chuẩn bị.**

1. **Giáo viên:** Bài soạn, giải 1 số đề
2. **Học sinh:** Ôn kiến thức về văn NL, đặc điểm của văn NL, nắm chắc kiến thức cơ bản của 1 số văn bản đã học, các sự việc hiện tượng đời sống.

C. **Tiến trình tổ chức các hoạt động**

1. **KTBC**
2. **Bài mới.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung ôn tập** |
| **\* HĐ 1: Ôn luyện và củng cố kiến thức cơ bản**  XĐ vấn đề?  Với đề bài này, em xđ LĐ theo cách nào?  GV lưu ý thêm:  -Ở câu hỏi thế nào là: phải tác ra từng ý nhỏ để giải thích  -Ở câu hỏi tại sao là phần trọng tâm nên cần phải có lý lẽ và dẫn chứng để làm rõ  -Ở câu hỏi suy nghĩ, hành động có thể nêu thêm ý nghĩa của vấn đề  Muốn tìm lí lẽ cho bài giải thích ta làm thế nào?  Hãy tìm lí lẽ cho đề bài sau?  “Em hiểu thế nào là học tập”  GV hướng dẫn HS tìm lí lẽ cho từng LĐ  GV nhấn thêm: Đối với bài chứng minh thì lí lẽ chính là lời phân tích dẫn chứng, đánh giá vấn đề...  Em hiểu dẫn chứng là gì?  Được lấy ở đâu?  Nêu cách trình bày dẫn chứng?  -Trích dọc  -Trích ngang  GV đưa ra 2 đề.  Hs nhận diện dạng đề GT, CM  Đv đề giải thích thường xuất hiện từ ngữ nào?  Đv đề CM có đặc điểm gì?  Em hãy nêu dàn ý chung của bài NL?  Nhiệm vụ của MB,TB,KB?  - Gv đưa ra một số lưu ý (kĩ năng làm bài)  **★HĐ 2: Luyện tập thực hành**  Hs lên bảng xây dựng LĐ, LC  Bài 2; Câu nói của M.Goorki: “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống” gợi cho em những suy nghĩ gì?  GV hướng dẫn Hs  -Tìm hiểu đề  - Lập dàn ý  XĐ luận điểm?  Sau khi xd dàn bài Gv cho hs dựng đoạn theo LĐ  Bài 3: Qua văn bản “ Nước Đại Việt ta” (Nguyễn Trãi) hãy làm sáng tỏ tư tưởng nhân nghĩa và lòng tự hào,tự tôn dân tộc của NT.  Gv hướng dẫn hs:  -Tìm hiểu đề  -Lập dàn ý  XĐ kiểu bài?  Xđ vấn đề nghị luận?  Hd hs dựng đoạn MB  Xđ luận điểm, luận cứ cho phần TB  GV hướng dẫn hs viết đoạn văn đánh giá  Hs dựng đoạn KB  ***Bài 4: Em hãy viết 1 đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng bạo lực học đường hiện nay*.**  Hs đọc đề bài  Xđ yêu cầu của đề  GV hướng dẫn hs làm bài  -Định hướng câu chủ đề.  -Giải thích BLHĐ là gì?  -Thực trạng BLHĐ hiện nay như thế nào?  Nêu một vài dẫn chứng mà em biết  Nguyên nhân do đâu có hiện tượng đó?  -Hậu quả của BLHĐ?  Để khắc phục nạn BLHĐ cần có những giải pháp nào?  -Bản thân em phải làm gì?  GV yêu cầu học sinh triển khai thành đoạn văn hoàn chỉnh  **★HĐ 3 Củng cổ-HDVN** | **A. Kiến thức cơ bản cần nhớ**  **I. Cách xác định luận điểm, luận cứ trong bài văn NL**  ***1.******Cách xác định luận điểm***  **1.1. Với kiểu bài chứng minh.**  - Nếu CM 1 vấn đề trong cuộc sống thì LĐ theo thơi gian, theo vùng địa lý hoặc đối tượng XH  - Nếu vấn đề trong văn học nói chung thì LĐ theo từng thời kỳ văn học hoặc dòng văn học  - Nếu vấn đề nằm trong 1 vài tác phẩm thì LĐ từng tác phẩm hoặc từng nội dung của tác phẩm  - Nếu vấn đề nằm trong 1 tác phẩm thì LĐ sẽ theo từng phần, từng ý của từng tác phẩm ấy.  **\* Ví dụ** 1: Hình ảnh quê hương qua bài thơ “ Quê Hương- Tế Hanh”  - LĐ 1: HÌnh ảnh quê hương qua lời giới thiệu quê mình của tác giả.  - LĐ 2: Hình ảnh quê hương qua cảnh thuyền ra khơi đánh cá  - LĐ 3: Hình ảnh quê hương qua cảnh đón thuyền cá trở về.  - LĐ 4: Nỗi nhớ quê hương của tác giả khi xa cách  **\* Ví dụ 2**: Hình ảnh quê hương đất nước được thể hiện rất rõ trong ca dao, dân ca đã học. Hãy chứng minh.  - Luận đề: Hình ảnh quê hương đất nước thể hiện trong ca dao  - Hệ thống LĐ (theo vùng địa lý)  LĐ 1: Vè đep quê hương đất nước xứ Bắc  Dẫn chứng: Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ….  LĐ 2: Vẻ đẹp quê hương đất nước ở miền Trung  Dc: Đường vô xứ Huế quanh quanh…..  LĐ 3: Vẻ đẹp quê hương đất nước ở miền Nam  Dc: Cần Thơ gạo trắng nước trong….  **1.2. Với kiểu bài giải thích**: Tìm LĐ theo quy tắc đặt câu hỏi có liên quan đến vấn đề:   * LĐ 1: Câu hỏi thế nào là? ( Thế nào là uống nước nhớ nguồn?) * LĐ 2: Câu hỏi tại sao? Vì sao?( Vì sao ta phải uống nước nhớ nguồn) * LĐ 3: Câu hỏi chúng ta phải làm gì? Có cảm xúc, suy nghĩ gì?( Để phát huy truyền thống đạo lý đó chúng ta phải làm gì?)   **1.3. Với kiểu bài nghị luận tổng hợp**  ★Kiểu bài GT+CM  - Trước hết phải giải thích vấn đề( chỉ giải thích câu hỏi thế nào là)  - Chứng minh: Các LĐ tìm giống như kiểu bài CM  **VD: “Tiếng Việt là 1 thứ tiếng đẹp, 1 thứ tiếng hay” Em giải thích ý kiến trên như thế nào? Hãy chứng minh**.  LĐ 1: Giải thích  + Thế nào là TV đẹp  + Thế nào là TV hay  LĐ 2 Chứng minh + TV đẹp  +TV hay  ★ Kiểu bài GT+ CM+ PBCN  Thao tác giống như kiểu bài GT+CM nhưng thêm phần PBCN và PBCN là LĐ cuối của phần TB  ***2. Cách xác định luận cứ.***   1. *Tìm lí lẽ* (chủ yếu áp dụng cho kiểu bài giải thích).   Tìm lí lẽ bằng cách đặt câu hỏi có liên quan đến vấn đề rồi trả lời cho câu hỏi ấy.  **VD. Em hiểu thế nào là học tập?**  Tìm lí lẽ  LĐ 1: Thế nào là học tập?  -Là tiếp thu những kiến thức của nhân loại  -Khám phá ra những điều chưa biết về tự nhiên,XH  -Tiếp thu những kinh nghiệm về lối sống  LĐ 2: Tại sao phải học tập?  -Học để mở mang kiến thức  -Học để nhận biết được cái đúng, cái sai  -Học đê theo kip được sự phát triển của XH, nhân loại  -Học để lập nghiệp  LĐ 3: Để học tập được tốt em phải làm gì?  -Chăm chỉ học tâp  -Học đi đôi với hành  -Ngoài học trong sách vở còn phải học ngoài cuộc sống  b. *Tìm dẫn chứng*.  - Dẫn chứng: là những số liệu, con người, việc làm hoặc thơ văn được lấy từ các tài liệu, tp văn chương hoạc trong cuộc sống  Dẫn chứng phải tiêu biểu, chính xác, phù hợp LĐ, vấn đề  - Cách trình bày dẫn chứng.  +DC là thơ văn thì phải đặt trong dấu “”. Nếu dẫn chứng là thơ, trích dọc thì phải đặt giữa dòng  +DC phải phù hợp với từng LĐ , luận cứ.  + DC phải được trình bày theo một thứ tự nhất định.  - Cách tìm dẫn chứng:Đặt câu hỏi có liên quan đến vấn đề rồi tìm dẫn chứng theo các câu hỏi ấy: Không gian nào? Thời gian nào? Lứa tuổi nào?  **II.** **Cách nhận diện đề**   1. *Đề giải thích*: trên đề xuất hiện các từ ngữ.   Em hiểu như thế nào? Có suy nghĩ gì?   1. *Đề chứng minh*: các dạng thông thường   -Dạng 1: Đưa ra 1 câu trích dẫn có chứa vấn đề. (Hãy CM)  -Dạng 2: Đưa ra 1 câu trích dẫn có chứa vấn đề( Hãy tìm dc để minh họa)  -Dạng 3 Đưa ra 1 câu trích dẫn có chứa vấn đề( Hãy làm sáng tỏ, làm rõ)  **III**. **Dàn ý chung**  **1. *Kiểu bài chứng minh***  a. MB: +Dẫn dắt  + Nêu vấn đề  + Trích dẫn ý kiến, nhận định(nếu có)  Cách dẫn dắt:  + Có thể dẫn dắt từ thể loại, KN hoặc từ 1 thời kì văn học  + Dẫn dắt từ tâm lí con người  + Dẫn dắt từ tác giả, tác phẩm  + Dẫn dắt từ 1 câu thơ(văn) có liên quan tới vấn đề.  b. TB: Lần lượt CM vấn đề theo từng LĐ  Mỗi LĐ trình bày bằng 1 đoạn văn, theo cách quy nạp, diễn dịch, T-P-H  - LĐ 1:  + LC1: dẫn dắt🡪 dẫn chứng🡪phân tích dẫn chứng🡪mở rộng(chuyển ý)  +LC2: dẫn dắt🡪dẫn chứng🡪phân tích dẫn chứng🡪mở rộng(chuyển ý)  - LĐ 2, LĐ 3 ….. tương tự  ***\* Lưu ý:***  -Nếu chứng minh 1 câu ca dao( tục ngữ) hoặc 1 câu nói có ý khó hiểu thì phần đầu TB phải giải thích ngắn( có thể giải thích cả nghĩa đen, nghĩa bóng)  -Nếu bài kết hợp giải thích với chứng minh thì phải giải thích trước, sau đó CM. CM là trọng tâm.  -Nếu vấn đề nằm trong 1 tác phẩm thì phần đầu TB phải nêu khái quát về tác phẩm ấy. Phần cuối TB phải đánh giá chung, liên hệ so sánh(ss văn học)  c. KB:+Khẳng định lại vấn đề(giá trị của vấn đề trong cuộc sống, trong văn học)  +Liên hệ, mở rộng  ***2. Kiểu bài giải thích***  a. MB: +Dẫn dắt  +Nêu vấn đề  +Trích dẫn ý kiến(nếu có)  b. TB:  - LĐ 1: Giải thích vấn đề theo câu hỏi thế nào? Như thế nào? Tách vấn đề ra từng tầng từng bậc, khía cạnh để giải thích.  - LĐ 2: Giải thích vấn đề theo câu hỏi tại sao? Vì sao?  Căn cứ: •Thời gian: xưa- nay  + Các mặt: Đặc điểm, phương diện của cuộc sống: Trong học tập, trong lao động, trong chiến đấu.( có dẫn chứng minh họa nhưng không phân tích kĩ)  - LĐ 3: Cảm xúc, suy nghĩ của mình về vấn đề ấy  C. KB: Khẳng định lại vấn đề và liên hệ    **B. Bài tập vận dụng**  ***1. Bài 1: Xác định LĐ, LC cho bài Hịch tướng sĩ (TQT).***  -LĐ 1: Nêu gương trung thần nghĩa sĩ  -LĐ 2: Tội ác của giặc và nỗi lòng của tác giả  +LC1:Tội ác của giặc: Sứ giặc đi lại nghênh ngang, uốn lưỡi ...xỉ mắng...  +LC2:Nỗi lòng của tác giả: 🡪quên ăn, mất ngủ  🡪căm tức chưa được xả thịt, lột da..  🡪 quyết tâm: dẫu cho...vui lòng  -LĐ 3: Phê phán tướng sĩ  +LC1: Mối quan hệ chủ tướng  +LC2: Phê phán tướng sĩ  +LC 3: Lời khuyên  -LĐ 4: Đưa ra nhiệm vụ cụ thể  +LC 1: Bản thân, chọn binh pháp để răn dạy  LC2: Tướng sĩ: 🡪theo lời dạy của ta: đánh giặc, hợp đạo thần chủ  🡪Không theo lời dạy của ta: là kẻ nghịch thù  ***2. Bài 2***  1, *Tìm hiểu đề*  -Kiểu bài: NL giải thích  -Vấn đề NL:Hãy yêu sách vì sách là con đường sống  2, *Lập dàn ý*  a, MB  -Dẫn dắt: từ một cậu bé mồ côi, thất học A-Lếc-xây Pê-Scốp đã vươn lên trở thành 1 nhà văn lớn M. Goorki. Đó là nhờ đâu? Phải chăng từ 1 nghị lực sống phi thường đã tìm gặp 1 tài sản phi thường là sách  -Trích dẫn nêu vấn đề: Nói đến Goorki không thể không nói đến sự tự học qua sách vở. Ông đã từng nói: “ Hãy yêu sách..... là con đường sống”  b,TB  ★LĐ 1:Đánh giá khái quát câu nói.  Câu nói đó có chứa 1 ý nghĩa phong phú nó như 1 chân lý sống ,1 lời khuyên chân thành  ★LĐ 2: Giải thích sách là gì? Kiến thức?  -Sách là kho tàng chứa đựng những hiểu biết của con người đã được khám phá, chọn lọc, tổng hợp. Sách là nơi kết tinh những tư tưởng tiên tiến của thời đại, những hoài bão, tình cảm thiết tha của con người. Chỉ có những gì mà con người cần nói lên, cần truyền lại mới đi vào sách.  -Kiến thức: Là kĩ năng, kĩ xảo, là những hiểu biết của con người trong cuộc sống. Sách là nguồn kiến thức của con người do đó cũng là nguồn sức mạnh của con người. Vì vậy sách và kiến thức có mối quan hệ mật thiết với nhau  ★LĐ 3; Tại sao phải yêu sách?  -Vì sách chứa đựng kiến thức và kiến thức là con đường sống của con người.  -Sách cung cấp cho ta kiến thức về mọi mặt, giúp ta hoàn thiện nhân cách  + Là phương tiện để giao tiếp: Con người có những phát minh trong khoa học, những tp văn học, những ý kiến, câu hỏi chưa được giải đáp và thắc mắc nhờ sách mà con người tìm ra sự thật. Tìm được chân lí đúng đắn.  + Là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại: Sách ghi lại quá trình lịch sử phất triển của loài người, quá trình đấu tranh và bảo vệ xây dựng đất nước. Qua sách mà con người hiểu được sự phát triển của đất nước, từ đó mà tự hào, yêu nước mình hơn.  +Sách cung cấp kiến thức về tự nhiên, XH giúp con người hiểu rộng, hiểu sâu và tồn tại phát triển trong c/s  + Sách giúp phát hiện ra chính mình, hiểu rõ mình, loại bỏ cái xấu, hướng tới cái chân, thiện,mĩ.  +Sách như màn ảnh nhỏ đưa ta đi du lịch khắp nơi  ⇨Những kiến thức, những đức tính cao quý mà ta có được phần lớn là nhờ vào sách. Không có sách ta sẽ không có tri thức, sự hiểu biết hạn hẹp, ảnh hưởng rất lớn tới cuộc sống.Vậy kiến thức chính là con đường sống  ★LĐ 4: Chúng ta phải yêu sách như thế nào?  -Biết giữ gìn, bảo quản, nâng niu, tôn trọng sách vì sách luôn dạy ta điều hay lẽ phải, mở rộng tri thức và là người bạn tâm tình lúc ta rảnh rỗi, là liều thuốc làm sảng khoái tinh thần mỗi khi ta mệt mỏi.  -Biết sử dụng sách có hiệu quả, biết chọn sách hay, có ích mà đọc, loại bỏ sách xấu.  c.KB  -Khẳng định vai trò của sách với cuộc sống con người  -Chúng ta phải yêu sách, ghi nhớ lời dạy của M.Goorki  ***3. Bài 3***  *1,Tìm hiểu đề*  -Kiểu bài:Chứng minh  -Vấn để NL: Tư tưởng nhân nghĩa và lòng tự hào tự tôn dân tộc.  -Phạm vi kiến thức:VB “Nước Đại Việt ta”  *2, Dàn bài*  a. MB : - Dẫn dắt  -Nếu vấn đề NL  ( Mùa xuân năm 1428 cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược đã thắng lợi hoàn toàn . Nguyễn Trãi thay lời Lê Lợi viết “Bình ngô đại cáo” để tổng kết và tuyên bố với nhân dân cả nước 1 sự kiện lớn, mở ra kỉ nguyên độc lập tự do cho Đại Việt đồng thời cũng tuyên bố sự ra đời của 1 triều đại nhân nghĩa cùng lòng tự hào, tự tôn dân tộc)  b. TB  ★Giới thiêu khái quát văn bản:  -. Đoạn trích “NĐVT” thuộc phần đầu của “ Bình Ngô đại cáo”.Bằng lí lẽ sắc bén và những dẫn chứng thực tế giàu sức thuyết phục NT đã khẳng định hai chân lí làm nền tảng để phát triển nội dụng bài cáo.Tư tưởng nhân nghĩa và chân lý về chủ quyền độc lập lòng tự tôn, tự hào dân tôc.  ★Chứng minh.  - LĐ 1: Tư tưởng nhân nghĩa  +.Tư tưởng nhân nghĩa được Nguyễn Trãi phát biểu trong 2 câu mởi đầu:  Việc nhân nghĩa...  Quân điếu phạt...  Cốt lõi của nhân nghĩa là “yên dân, trừ bạo”. Mục đích cuối cùng của nhân ngĩa là làm cho nhân dân được yên ổn, được hưởng thái bình, hạnh phúc.Muốn yên dân thì trước hết phải diệt trừ mọi thế lực bạo tàn làm hại nhân dân. Và nghĩa quân Lam Sơn( quân điếu phạt) đã ra tay diệt trừ kẻ bạo ngược đó. Như vậy nhân nghĩa của NT gắn liền với yếu nước chống ngoại xâm.  - LĐ 2: Chân lý về chủ quyền độc lập dân tộc, lòng tự tôn, tự hào dân tộc.  +. Sau khi nêu lên nguyên lý nhân nghĩa NT đã khẳng định chân lý về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của ĐV.  “ Như nước Đại Việt ta từ trước  ...................  Song hào kiệt đời nào cũng có”  NT đã đưa ra những yếu tố xác đáng, đất nước có lãnh thổ, chủ quyền, quốc hiệu riêng. Có nền văn hiến lâu đời, có phong tục tập quán riêng, có lịch sử tồn tại lâu dài qua các triều đại, có nhân tài hào kiệt. Đó là 1 quan niệm mới mẻ, phong phú và hoàn chỉnh về quốc gia, dân tộc...  +. Sức mạnh của nhân nghĩa và chân lý về chủ quyền độc lập được NT khẳng định bằng lịch sử tồn tại của dân tộc với những dẫn chứng cụ thể:  “Từ Triêu, Đinh, Lý...  Cùng Hán, Đường....”  Các triều đại của ĐV được sánh ngang với các triều đại phương Bắc. Cách viết vừa sánh đôi, vừa đề cao ĐV bằng những từ có tính chất hiển nhiên” Từ trước, đã lâu..” tạo nên giọng văn sang sảng niềm tự hào dân tộc.  +. Sức mạnh ấy tiếp tục được khẳng định bằng dẫn chứng cụ thể trong lịch sử nước Nam.  “Vậy nên:  Lưu Cung tham công nên thất bại  ....  Chứng cứ còn ghi”  Các dẫn chứng được sắp xếp theo trình tự lịch sử đã nhấn mạnh sự thất bại của kẻ thù đồng thời ca ngợi chiến công oanh liệt của ta. Hai câu cuối đã nhấn mạnh 1 lần nữa sức mạnh của chân lý, của chính nghĩa quốc gia. Đó là lẽ phải không thể chối cãi được.  ★ Đánh giá chung:  -. Có thể nói “NĐVT” xứng đáng là 1 bản tuyên ngôn độc lập được viết với lối nghệ thuật chính luận giàu sức thuyết phục. Cách viết vừa sóng đôi vừa đề cao ĐV bằng từ ngữ có tính chất hiển nhiên để khẳng định những yếu tố căn bản để xác định độc lập chủ quyền của 1 dân tộc. Với những yếu tố đó NT đã phát biểu 1 cách hoàn chỉnh quan niệm về quốc gia, dân tộc. Quan niệm của NT là bước phát triển cao hơn, toàn diện và sâu sắc hơn so với bài “Sông núi nước Nam- LTK” Nếu “SNNN” ý thức về quốc gia dân tộc được xác định ở hai yếu tố “lãnh thổ và chủ quyền” thì “NĐVT” đã mở rộng thêm yếu tố “văn hiến, phong tục,tập quán và lich sử”. Đặc biệt ông đưa ra yếu tố văn hiến lên hàng đầu đó là điều cơ bản nhất để xác định tư cách độc lập, dân tộc.  Như vậy “NĐVT” không chỉ xứng đáng là bản tuyên ngôn độc lập lần 2 của ĐV mà còn xứng đáng là áng thiên cổ hùng văn  c,KB  -. Khẳng định lại giá trị của văn bản  -. Liên hệ trách nhiệm: Bảo vệ lãnh thổ chủ quyền đất nước ngày nay  ***4. Bài 4:***  ***1, Tìm hiểu đề***  -Kiểu bài: NL về 1 hiện tượng đời sống  -Vấn đề NL:Bạo lực học đường  -Hình thức trình bày: 1 đoạn văn  ***2, Dàn ý***  **\*Mở đoạn**:Bạo lực học đường đã và đang trở thành 1 vấn đề nghiêm trọng trong trường họp hiện nay, nó gây ảnh hưởng lớn đến tâm lý chung và sự phát triển cũng như học tập của học sinh.  **\*Phát triển đoạn**  **- Giải thích:**  +BLHĐ là những hành vi thô bạo, ngang ngược, bất chấp công lý, đạo đức, xúc phạm, trấn áp người khác gây nên những tổn thương về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học  + BLHĐ có thể xảy ra dưới nhiều hình thức: xúc phạm, lăng nhục, chà đạp lên nhân phẩm, danh dự người khác, làm tổn thương về mặt tinh thần thông qua lời nói, đánh đập, hành hạ làm tổn thương về sức khỏe.  **-Thực trạng hiện nay- hậu quả**  +Những năm gần đây BLHĐ đang trở thành 1 vấn nạn lớn làm đau đầu các nhà quản lý giáo dục, PHHS và giới sinh viên, học sinh lo lắng.  +Cảnh những nữ sinh, nam sinh mặc áo đồng phục trắng tinh khôi khăn quàng đỏ có thể lao vào cấu xé nhau, đánh đạp… giữa HS lớp này với học sinh lớp kia trong cùng 1 trường. Rồi chính những người trong cuộc còn quay video rồi tung lên mạng trong sự hả hê còn các bạn khác thì lãnh đạm, thờ ở chỉ đứng nhìn mà không hề biết rằng đã làm đau lòng các bậc sinh thành và thấy cô…  Dẫn chứng: +Nhóm nữ sinh lớp 9 trường THCS Trần Hưng Đạo( Rạch Giá, Kiên Giang) đánh 3 em lớp 7 bằng những cú giật tóc, đá đạp tát túi bụi ngày 11/12/2017  + Ngày 25/9/2017 một nữ sinh lớp 12 trường THPT Toàn Thắng( Hải Phòng) bị 1 học sinh cùng khối đánh phải nhập viện  + Trường học là môi trường cung cấp tri thức, nơi rèn luyện nhân cách đạo đức vậy mà nạn bạo lực ấy đang diễn ra khiến mọi người lo lắng trước sự tha hóa về đạo đức của học sinh.Nếu tình trạng này cứ tiếp diễn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý, sức khỏe và chất lượng học tập của HS.Thậm chí sẽ là mầm mống phát triển thành tội phạm.  **- Nguyên nhân:**  **+** Do ảnh hưởng của phim ảnh, những trang web đầy bạo lực trên các trang mạng XH đã làm vẩn đục tâm hồn HS, khiến chúng đánh mất ước mơ và sa vào lối sống ăn chơi, đua đòi, lười biếng, sống không mục đích…  + Do nhà trường còn lỏng lẻo trong quản lý, chưa thiết chế nội quy chặt chẽ và do giáo dục còn chạy theo thành tích nên dẫn đến hs coi thường kỉ luật  + Do gia đình thiếu quan tâm, không để ý đến các mối quan hệ của con, chỉ lo làm ăn, cung cấp đầy đủ vật chất theo yêu cầu của con khiến chúng ỉ nại, lười biếng.  -**Biện pháp khắc phục**  +Bản thân HS phải rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, nhân cách, chăm chỉ học hành, chấp hành nội quy trường lớp…  + Nhà trường thiết lập kỉ cương, xử lý nghiêm minh những HS vi phạm và tổ chức dạy kĩ năng sống cho HS  + Gia đình phải quan tâm con em mình và có mối liên hệ mật thiết với nhà trường.  +Chính quyền địa phương quản lý tốt các quán Internet…  **\*Kết đoạn**: Vậy mỗi chúng ta hãy nhận thức đúng đắn về vấn nạn BLHĐ, cần sống có kỉ luật, biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ  C. **Củng cố- HDVN**  -Kĩ năng làm bài văn nghị luận : Nghị luận 1 vấn đề  - Cách xác định luận điểm luận cứ trong các kiểu bài cụ thể  - Chuẩn bị hành động nói, hội thoại, lựa chọn trật tự từ |